

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẠI HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3800237998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2002, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 12 tháng 04 năm 2021)



Amvi
Biotech Incorporation.

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 60./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 03 năm 2022...)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Amvi
Biotech Incorporation.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 66501148 Fax: 84-(651) 388 90 32

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Fpt Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại: 19006446 Fax: 024 37779058

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Bà Đặng Nhị Nương

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 028 66501148

Fax:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3800237998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2002, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 12 tháng 04 năm 2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	40.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	400.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân - P. Bưởi - Q. Tây Hồ - TP. Hà Nội.

Điện thoại: 19006446

Fax: 024.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Ben Thanh Times Square, 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446

Fax: 028. 6291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 19006446

Fax: 0511. 3553 888

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội

Địa chỉ: P.806, Tòa Nhà 17T3 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-024) 62859222

Fax: (84-024) 62859111

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	8
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	9
1. Rủi ro kinh tế	9
2. Rủi ro pháp luật.....	12
3. Rủi ro đặc thù.....	12
4. Rủi ro của đợt chào bán, Rủi ro của dự án, Rủi ro của việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	13
5. Rủi ro pha loãng.....	14
6. Rủi ro về quản trị Công ty	16
7. Rủi ro khác.....	16
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT.....	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	18
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	23
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	26
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý.....	26
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:.....	29
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	33
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	34
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	34
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	35
10. Hoạt động kinh doanh	35
11. Chính sách đối với người lao động	62
12. Chính sách cổ tức	63
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	64
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:.....	70

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	70
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	71
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	71
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	71
2. Tình hình tài chính	74
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	85
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	85
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG	87
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	87
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	87
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.....	88
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	97
1. Loại cổ phiếu.....	97
2. Mệnh giá cổ phiếu:	98
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	98
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	98
5. Giá chào bán dự kiến.....	98
6. Phương pháp tính giá.....	98
7. Phương thức phân phối	99
8. Đăng ký mua cổ phiếu:.....	100
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	100
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	102
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	102
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:	102
13. Hủy bỏ đợt chào bán (trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thực hiện dự án).....	102
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	102

15. Các loại thuế có liên quan.....	102
16. Thông tin về các cam kết.....	103
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	104
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	104
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	104
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	105
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	105
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	105
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	105
XII. PHỤ LỤC	105

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính	18
Bảng 2. Danh sách các công ty con	29
Bảng 3. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	33
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm qua các năm (hợp nhất)	40
Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm qua các năm (hợp nhất)	40
Bảng 6. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (Công ty mẹ).....	41
Bảng 7. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (Hợp nhất)	41
Bảng 8. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2021 (Công ty mẹ).....	41
Bảng 9. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2021 (Hợp nhất)	42
Bảng 10. Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động	42
Bảng 11. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ theo thị trường hoạt động	43
Bảng 12. Cơ cấu doanh thu Hợp nhất theo thị trường hoạt động.....	43
Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế Hợp nhất theo thị trường hoạt động	43
Bảng 14. Các hợp đồng lớn đã được thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện.....	46
Bảng 15. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	52
Bảng 16. Cơ cấu lao động ngày 31/12/2021	62
Bảng 17. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty	64
Bảng 18. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ	71
Bảng 19. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất	72
Bảng 20. Vốn điều lệ qua các năm	74
Bảng 21. Tình hình vốn kinh doanh công ty mẹ qua các năm	75
Bảng 22. Tình hình vốn kinh doanh Hợp nhất qua các năm	75
Bảng 23. Thời gian khấu hao của TSCĐ hữu hình.....	76
Bảng 24. Các khoản nợ phải thu Công ty mẹ.....	77
Bảng 25. Các khoản nợ phải thu Hợp nhất	77
Bảng 26. Các khoản nợ phải trả Công ty mẹ.....	78
Bảng 27. Các khoản nợ phải trả Hợp nhất	78

Bảng 28. Các khoản phải nộp theo luật định Công ty mẹ.....	79
Bảng 29. Các khoản phải nộp theo luật định Hợp nhất	80
Bảng 30. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty mẹ.....	83
Bảng 31. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Hợp nhất	84
Bảng 32. Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2021	85
Bảng 33. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty.....	87
Bảng 34. Danh sách Hội đồng quản trị	88
Bảng 35. Danh sách Ban Kiểm soát.....	92
Bảng 36. Danh sách Ban Giám đốc	96
Bảng 37. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ông Nakatani Yoshitaka	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Đặng Nhị Nương	Giám đốc
Bà Lê Thị Việt Hà	Kế toán Trưởng
Bà Lê Thị Hương	Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện Tổ chức tư vấn: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Quyết định Ủy quyền Số 98-2020/QĐ/FPTS-FHR ngày 02/12/2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 117/2020/FPTS/FCF-HN/AMV giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được ký kết ngày 15/07/2020 và các phụ lục đính kèm. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

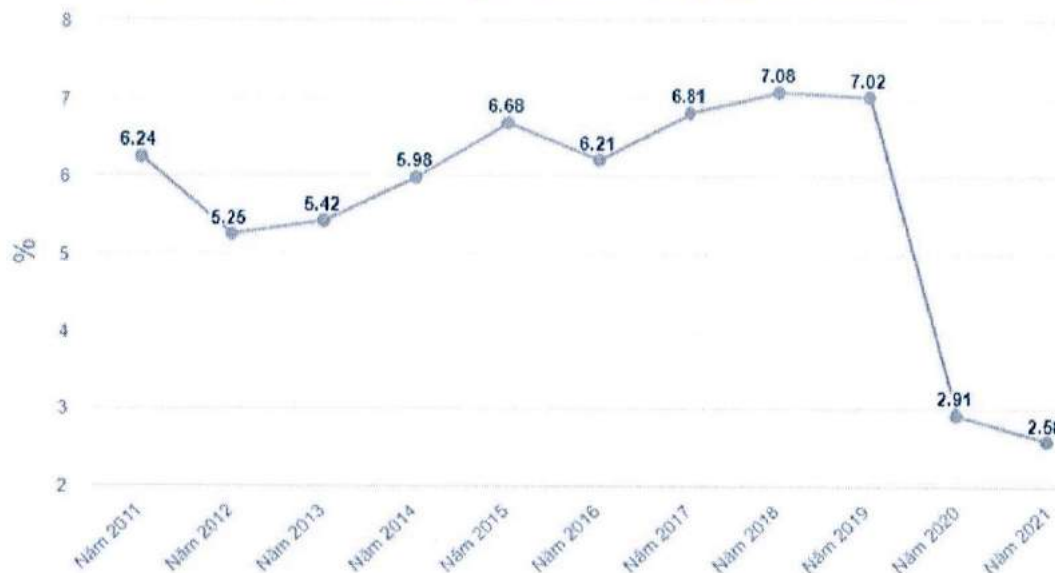
1. Rủi ro kinh tế

1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây có sự tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào những nỗ lực điều hành của Chính phủ. Các chính sách điều hành nền kinh tế từ chính sách tài khóa đến chính sách tiền tệ đều có sự linh hoạt để đạt mục tiêu tăng trưởng mà Quốc hội đề ra. Bên cạnh đó, nhờ những thay đổi tích cực trong các chính sách điều hành, môi trường hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trong những năm qua trở nên ổn định. Các doanh nghiệp có nhiều cơ hội tăng trưởng và mở rộng hoạt động kinh doanh.

•**Tăng trưởng GDP:** Tăng trưởng GDP là nhân tố vĩ mô có ảnh hưởng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tốc độ tăng trưởng GDP tại Việt Nam trong những năm qua cho thấy nhiều tín hiệu tích cực. Sau thời điểm khủng hoảng kinh tế thế giới 2008, nền kinh tế Việt Nam trải qua giai đoạn khó khăn với tốc độ tăng trưởng GDP giảm từ 6,8% năm 2010 xuống dưới 6% và duy trì cho đến năm 2013. Từ năm 2014 trở đi, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu tăng tốc trở lại và đạt 6,68% trong năm 2015. Bước sang giai đoạn 2017 – 2018, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh với tốc độ lần lượt đạt 6,8% và 7,08%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ cuộc khủng hoảng 2008. Bước sang năm 2019, kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng 7,02% trong bối cảnh kinh tế thế giới không có nhiều khởi sắc. Năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, nền kinh tế Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020 đã tăng trưởng chậm lại. GDP năm 2020 tăng 2,91%.

Ước tính, GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%, quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) thấp hơn mức tăng của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong thập

kỷ gần đây, do đợt dịch Covid-19 từ cuối tháng 4/2021 bùng phát ở nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Quốc hội nêu rõ mục tiêu thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của nhân dân cùng với tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ hiệu quả người dân và doanh nghiệp, đồng thời đặt ra chỉ tiêu tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6-6,5% trong năm 2022.

GDP giảm ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong đó có CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ tuy nhiên ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất với mức tăng 21,15%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm là một dấu hiệu tích cực cho công ty.

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam trong giai đoạn 10 năm, từ 2021 – 2030 được Quốc hội đề ra ở mức trung bình 7%/năm. Các Tổ chức về tài chính lớn như WB (Ngân hàng thế giới) và IMF (Quỹ tiền tệ thế giới) cũng đều dự báo khả quan đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng trong các năm tiếp theo có đạt được như kế hoạch hay không phụ thuộc rất nhiều vào khả năng kiểm soát tốt dịch Covid-19, các chính sách ngoại giao, thương mại giữa các nước trên thế giới, hoạt động đầu tư công cũng như sự tăng trưởng của đầu tư tư nhân.

1.2 Lạm phát

Lạm phát là một chỉ báo đánh giá sự ổn định của nền kinh tế. Lạm phát được giữ ở mức phù hợp là một trong những mục tiêu mà Quốc hội đặt ra. Trong giai đoạn 2014-2017, lạm phát tại Việt Nam được kiểm chế ở mức dưới 5%. Trong đó năm 2015, lạm phát giảm mạnh xuống chỉ còn 0,63%. Đây là mức thấp nhất trong 10 năm gần đây. Sau giai đoạn trên, lạm phát đã tăng trở lại và đạt 3,53% năm 2017 và 3,54% năm 2018. Trong năm 2019, lạm phát thậm chí được kiểm soát ở mức 2,79%, thấp nhất trong 3 năm. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. Điều này cho thấy rủi ro về lạm phát tăng mạnh khiến nền kinh tế tăng trưởng mất ổn định là thấp trong thời gian tới. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,18% so với tháng trước và tăng 1,81% so với tháng 12/2020. Bình quân năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 0,81%. Năm 2021, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công. Giống như GDP, lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến các doanh nghiệp. Biểu hiện của yếu tố này đó là việc tiêu dùng và đầu tư giảm sút, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Lạm phát tăng còn khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát từ năm 2010 đến năm 2019



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.3 Rủi ro tỷ giá

Mức biến động cao nhất chỉ xấp xỉ trên 1% vào thời điểm đầu năm và gần như diễn biến đi ngang trong các tháng cuối năm. NHNN áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm, tuy nhiên chủ yếu để thị trường tự điều tiết và chưa có động thái bán ra lượng lớn USD để can thiệp vào thị trường.

Nhìn chung cả năm 2020, diễn biến tỉ giá không giống như những năm trước, vì VND thậm chí đã tăng giá nhẹ khoảng 0,2% so với USD, trong khi thị trường ngoại hối gần như không có áp lực cuối năm. Bước sang năm 2021, có nhiều yếu tố thúc đẩy tiền đồng mạnh lên như: Kinh tế vĩ mô hồi phục nhanh, áp lực lạm phát được dự báo giảm, đồng USD sẽ tiếp tục suy yếu, đồng Nhân dân tệ tiếp tục mạnh lên. Nói về định hướng điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2021, trao đổi với báo chí, ông Phạm Thanh Hà, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ (Ngân hàng Nhà nước) cho biết: “Trên cơ sở mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đề ra, diễn biến thị trường trong, ngoài nước, Ngân hàng Nhà nước sẽ điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt phối hợp hài hòa với các chính sách kinh tế vĩ mô để kiểm soát lạm phát; duy trì ổn định vĩ mô, hỗ trợ phục hồi kinh tế. NHNN sẽ điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước, các cân đối vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu chính sách tiền tệ, tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước khi điều kiện thị trường thuận lợi”.

Tại thời điểm 31/12/2021, cặp tỷ giá USD/VND giao dịch quanh mốc 22.620 - 22.920 VND/USD. Năm 2021, tiền Đồng ghi nhận xu hướng tăng giá so với đồng USD bất chấp chỉ số US Dollar Index – thước đo của đồng bạc xanh, liên tục leo dốc trên thị trường quốc tế. Yếu tố tác động lên tỷ giá trong năm chủ yếu đến từ thị trường quốc tế, trong đó hai yếu tố chính là tăng trưởng kinh tế Mỹ chậm lại do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 cùng với việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn giữ chính sách tiền tệ nới lỏng để kích thích nền kinh tế bị ảnh hưởng từ đại dịch khiến đồng USD chỉ tăng nhẹ 0.1% so với đầu năm.. Trong thời gian tới, NHNN có thể sẽ tiếp tục duy trì chính sách điều hành tỷ giá như trong thời gian qua, với mục tiêu giảm tỷ giá mua USD thêm.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của AMV là kinh doanh dược và trang thiết bị y tế có quan hệ với các đối tác nước ngoài. Vì vậy, giống như tất cả các doanh nghiệp có kinh doanh với đối tác nước ngoài khác, việc biến động của tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của AMV. Nhận thức được mức độ quan trọng của rủi ro này, Công ty đã tiến hành dự báo biến động giá sản phẩm đầu ra nhằm chủ động trong khâu xuất khẩu và tồn trữ vào thời điểm thích hợp, phục vụ công tác bán hàng. Bên cạnh đó, xét về kinh tế vĩ mô, Chính phủ Việt Nam cũng chủ trương và có những biện pháp hợp lý nhằm ổn định tỷ giá ngoại tệ đặc biệt là tỷ giá USD/VND, nhờ đó, rủi ro tỷ giá đối với hoạt động của AMV cũng được giảm thiểu đáng kể.

2. Rủi ro pháp luật

Là một công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực dược và trang thiết bị y tế, Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp từ các văn bản pháp luật liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết bị y tế do Bộ Y tế ban hành, và chịu sự chi phối của đồng thời Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dược, ... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật.

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư vào các dự án mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp công ty hạn chế được những rủi ro này.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro đặc thù ngành thiết bị y tế

Rủi ro đặc thù là những rủi ro thường xảy ra đối với lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Do liên quan đến mạng y tế, công ty cũng chịu rủi ro liên quan đến sức khỏe và tính mạng con người. Do đó, vấn đề chất lượng sản phẩm của Công ty luôn được đặt lên hàng đầu, do các thiết bị cung cấp đều do các hãng hàng đầu trên thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về thiết bị y tế phục vụ con người của các quốc gia..

3.2 Rủi ro về thị trường và cạnh tranh

Triển vọng phát triển của ngành thiết bị y tế Việt Nam là rất khả quan, do tuổi thọ trung bình của người Việt tăng lên cùng sự gia tăng dân số thuộc nhóm 60-79 sẽ thúc đẩy nhu cầu sử dụng các thiết bị y tế trong tương lai.

Về khía cạnh sản xuất, kể từ khi gia nhập WTO năm 2007, làn sóng các công ty thiết bị y tế đầu tư vào Việt Nam vẫn gia tăng, điển hình như Terumo, Sonion, và United Healthcare đã chuyển nhà máy từ các nước khác về Việt Nam để tận dụng nguồn nhân công giá rẻ và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ.

Sự cạnh tranh sẽ là rất lớn khi thị trường dự đoán sẽ có khoảng 350 doanh nghiệp đến từ 20 quốc gia và vùng lãnh thổ đổ đến Việt Nam để tìm kiếm cơ hội trên thị trường tỷ USD này. Ngoài các ông lớn Âu - Mỹ, Nhật... sự cạnh tranh lớn sẽ đến từ Ấn Độ, Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia, Nhật Bản, Trung Quốc... Áp lực cạnh tranh sẽ khiến Công ty liên tục phải thay đổi chiến lược/chính sách nhằm thích ứng với các thay đổi của thị trường.

Biện pháp kiểm soát: BGD luôn luôn đôn đốc cập nhật thường xuyên thông tin thị trường, duy trì

và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp, tạo điều kiện để Công ty và nhà cung cấp chia sẻ nguồn lực, thông tin, góp phần ứng phó kịp thời, cùng cố và phát triển lợi thế cạnh tranh.

3.3 Rủi ro về công nghệ

Thiết bị y tế là lĩnh vực công nghệ với áp lực đổi mới, cập nhật bắt kịp với sự phát triển của công nghệ.

Biện pháp kiểm soát: Các đề xuất thường xuyên được BGD đưa ra với nhà cung cấp trong việc nghiên cứu và phát triển công nghệ, nhằm triển khai các công nghệ và sản phẩm mới tại thị trường Việt.

4. Rủi ro của đợt chào bán, Rủi ro của dự án, Rủi ro của việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

- *Rủi ro của đợt chào bán:* Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, yếu tố tâm lý nhà đầu tư, cung cầu thị trường chứng khoán... Do vậy, khi thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán và giá cổ phiếu của Công ty sau này.

Toàn bộ phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản của Công ty thông qua theo quy định. Do đợt phát hành không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán được thấp hơn khối lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán.

Theo Nghị quyết ĐHCĐ, số cổ phần chưa được phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng sau:

Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện xử lý Cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu do Cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết. HĐQT đã thông qua nội dung chi tiết như sau:

Phương án làm tròn: Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Phương án xử lý số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) và số cổ phần không phân phối hết:

- + Việc xử lý cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.
- + Số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT toàn quyền phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn đảm bảo tuân thủ quy định với giá bán là 10.000 đồng/CP.
- + Số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.
- *Rủi ro của dự án và Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:*

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp để phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, ngoài ra, chi số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng sẽ giảm do tổng lượng số cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc đầu tư vốn vào các dự án mới chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận.

❖ Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu AMV sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (I \times PR)}{1 + I}$$

P_{pl} : là giá tham chiếu điều chỉnh trong Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

P_t : là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

I : là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 40.000.000 cổ phần phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/91.108.908 cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành ($I = 0,439$).

PR : Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu ($PR=10.000$ đồng/cổ phiếu)

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P_{pl} phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_t

+ Nếu $P_t = PR = 10.000$ đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng $P_{pl} = P_t = 10.000$ đồng/cổ phiếu.

+ Nếu $P_t < PR$, thì $P_t < P_{pl}$ và P_t càng thấp thì khoảng cách $P_{pl} - P_t$ sẽ càng cao.

+ Nếu $P_t > PR$ thì $P_t > P_{pl}$ và P_t càng cao thì khoảng cách $P_t - P_{pl}$ càng cao. Với mỗi giá P_t cụ thể ta sẽ có giá P_{pl} tương ứng.

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền $P_t > PR = 10.000$ đồng.

Ví dụ: Giá sử giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền $P_t = 11.000$ đồng/cổ phiếu. Giá pha loãng cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ sau đợt phát hành được xác định như sau:

$$P_{pl} = \frac{11.000 + (10.000 \times 0,439)}{1 + 0,439} = 10.695 \text{ đồng/cp}$$

❖ **Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần sau khi chào bán**

Khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được tính như sau:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X \cdot 12 + Y \cdot T}{12}$$

Trong đó:

X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm

T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

❖ **Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Tài sản vô hình}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành - cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (tối đa là 100% và giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

❖ **Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro về quản trị Công ty

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cốt lõi là cung cấp thiết bị Y tế. Dựa trên cơ sở đội ngũ quản lý có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, Công ty đã và đang dần tạo lập uy tín trên thị trường.

Đối với đợt phát hành này, Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua, cho thấy sự tin tưởng của Cổ đông và sự khả thi của phương án đề ra đối với sự phát triển của Công ty. Do vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BKS	: Ban kiểm soát
BGD	: Ban Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Công ty	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
Điều lệ Công ty	Điều lệ của CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NLĐ	Người lao động
SXKD	Sản xuất kinh doanh
Tổ chức chào bán	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
Tổ chức tư vấn/FPTS	Công ty Cổ phần chứng khoán FPT
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
UBCK	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
VND	Việt Nam đồng
VCSH	Vốn chủ sở hữu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên tiếng Việt	:	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
Tên viết tắt	:	AMVIBIOTECH INC
Người đại diện	:	Bà Đặng Nhị Nương - Giám đốc
Địa chỉ	:	Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	0208.6567898
Fax	:	0208.3569898
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	:	số 3800237998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 08 năm 2002, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 12 tháng 04 năm 2021
Vốn điều lệ	:	911.088.610.000 đồng
Mã cổ phiếu	:	AMV
Sàn niêm yết	:	HNX

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính

Mã ngành	Tên ngành
8710	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng
8730	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc
9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (không hoạt động tại trụ sở)
9700	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình
4772 (Chính)	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, bán lẻ trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế (không tồn trữ hóa chất)
3250	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản

4101	Xây dựng nhà để ở
4221	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4291	Xây dựng công trình thủy
4292	Xây dựng công trình khai khoáng
4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
6492	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ
7740	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ sản xuất hóa chất tại trụ sở) (không tồn trữ hóa chất)
8620	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm (trừ lưu trữ bệnh nhân).
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ (trừ thanh toán hối phiếu, thông tin tỉ lệ lượng và tư vấn chứng khoán)
8699	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xét nghiệm y tế; Kinh doanh xe khám lưu động
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công sản xuất hàng cơ khí (không hoạt động tại trụ sở)
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng

4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng
4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - <i>Bán buôn điều hòa;</i> <i>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế.</i>
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ điều hòa
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy phát điện
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy phát điện (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
4512	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
0131	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm
0132	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)
1030	Chế biến và bảo quản rau quả
1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
1102	Sản xuất rượu vang
1103	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
2610	Sản xuất linh kiện điện tử
2620	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
2630	Sản xuất thiết bị truyền thông
2640	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
2660	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp
2670	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học
2680	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học
2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
2720	Sản xuất pin và ắc quy
2740	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng

2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
2790	Sản xuất thiết bị điện khác
3100	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
3511	Sản xuất điện (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
3512	Truyền tải và phân phối điện (trừ hoạt động Truyền tải, điều độ điện theo quy định tại Nghị định 94/2017/NĐ-CP ngày 10/08/2017 của Chính phủ)
3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
3830	Tái chế phế liệu
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)
4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)
4921	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành
4922	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
4929	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5320	Chuyển phát
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở).
5590	Cơ sở lưu trú khác (không hoạt động tại trụ sở)
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).
7010	Hoạt động của trụ sở văn phòng
7020	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)

7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
7213	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược
7214	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
7310	Quảng cáo
7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
7710	Cho thuê xe có động cơ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7810	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
7820	Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động).
7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động).
8110	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
8220	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).
8532	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)
8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế (không hoạt động tại trụ sở)
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;

	<ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
--	---

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức nhất hành

Thành lập công ty

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **44.03.000.012** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002

Thành lập bởi 3 cổ đông sáng lập

- Công ty TNHH SX-TM TTB Y tế Mặt Trời (The Sun Co)

- Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Phước (nay là Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Dopharco)

- Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incommex Saigon)

Vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng

Năm 2003

Xây dựng nhà máy với diện tích 1.500 m² trên khuôn viên gần 2.500 m² tại Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Nhận chuyển giao công nghệ và nhập khẩu máy móc thiết bị, tổ chức tuyển và huấn luyện cán bộ công nhân viên, sản xuất thử, xin đăng ký lưu hành sản phẩm...

Đến cuối năm 2004, nhà máy cơ bản được hoàn thành và sẵn sàng đi vào hoạt động.

Năm 2004

Tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 15,09 tỷ đồng

Thay đổi cổ đông sáng lập từ 03 thành viên lên 06 thành viên cổ đông sáng lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 01/6/2004.

Năm 2005

Nhà máy của Công ty đã được Bộ Y Tế thẩm định kỹ thuật và cấp giấy phép đủ điều kiện sản xuất vacxin – sinh phẩm y tế.

Tháng 8/2005, Công ty bắt đầu thực hiện sản xuất kinh doanh và đưa sản phẩm ra thị trường.

Doanh thu trong năm 2005 – năm đầu tiên chính thức hoạt động kinh doanh

Năm 2006

Thiết lập được hệ thống phân phối trên cả 3 khu vực Bắc, Trung, Nam thông qua các tổng đại lý của Công ty.

Kết hợp với các trường đại học, sở y tế tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu các sản phẩm của AMV.

Kết hợp với các bệnh viện và trung tâm y tế nghiên cứu các đề tài khoa học: “Nghiên cứu về sinh phẩm chẩn đoán HIV”; “Nghiên cứu về sinh phẩm chẩn đoán bệnh lao và chẩn đoán Viêm gan B”.

Doanh thu năm 2006 đạt 4,3 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2005.

Năm 2007

Phát hành cổ phiếu theo hình thức **phát hành riêng lẻ** cho Ban Giám đốc Công ty, Cán bộ công nhân viên của Công ty và Cán bộ công nhân viên của đối tác kinh doanh của Công ty, **tăng vốn điều lệ** của Công ty từ 15,090 tỷ đồng lên 21 tỷ đồng.

Năm 2011

Công ty là đơn vị **đầu tiên trong nước sản xuất que test HIV 1&2**. Ngày 7/7/2011 Công ty khai trương cơ sở sản xuất tại xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tăng vốn điều lệ từ 15.09 tỷ đồng lên 21 tỷ đồng

Năm 2016

Công ty có sự thay đổi lớn trong **Hội đồng quản trị, Ban điều hành**. Từ cuối năm 2016, Công ty mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực **cung cấp máy móc, trang thiết bị y tế** của các lập đoàn lớn của Nhật Bản, Mỹ, ...

Năm 2009

Ngày 30/12/2009, Công ty chính thức **niêm yết** tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là **Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**) với mã chứng khoán AMV.

Năm 2014

Tháng 9/2014, Công ty được cấp Giấy chứng nhận nhà máy **đạt tiêu chuẩn quốc tế GMP-WHO** (Thực hành sản xuất tốt) và **ISO 13485:2003** (Hệ thống quản lý chất lượng Trang thiết bị Y tế).

Năm 2017

Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược tăng vốn lên 271.157.500.000 đồng. Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ.

Góp vốn thành lập 02 công ty con:

- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và môi trường Cần Thơ.
- Công ty CP Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Phú Thọ.

Góp vốn đầu tư Trung tâm xét nghiệm tại Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn và Trung tâm xét nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ theo mô hình xã hội hóa.

Năm 2018

Công ty kết hợp với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư Trung tâm xét nghiệm chất lượng cao tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ theo mô hình xã hội hóa

Năm 2019

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 379.620.450.000 đồng.

Năm 2020

Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, và Phát hành riêng lẻ nâng vốn điều lệ lên 911.088.610.000 đồng.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty có 15 công ty con bao gồm:

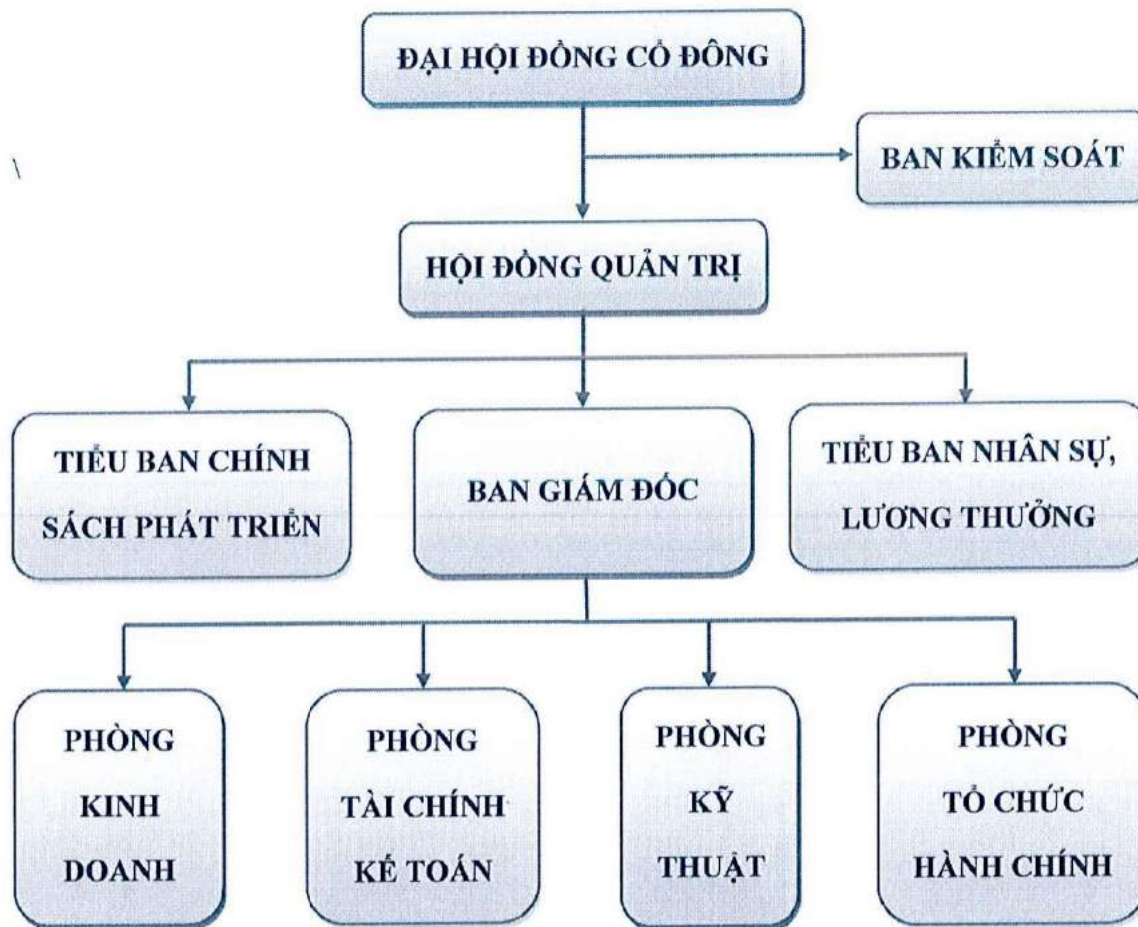
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ;
- CTCP Phòng khám Bãi Cháy Kyoto (đổi tên từ CTCP Sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật Mỹ);
- Công ty cổ phần phát triển công nghệ Hạ Long Kyoto;
- Công ty cổ phần nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu;
- Công ty cổ phần phát triển công nghệ Vũng Áng Kyoto;
- Công ty cổ phần sản xuất phần mềm quốc gia Việt Nam;
- Công ty CP PTCN Lạng Sơn KYOTO;
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Sóc Trăng;
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Ngã Bảy;
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Hậu Giang;
- Công ty Cổ phần Phòng khám kỹ thuật cao Gia Lâm;
- Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Cần Thơ;
- Công ty Cổ phần Phòng khám Hà Đông;
- Công ty Cổ phần Phòng khám Việt Trì;
- Công ty Cổ phần phòng khám Hòa Bình;

Công ty Cổ phần Trung tâm xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ (*AMV thoái vốn tại Quý IV/2021*); Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Phú Thọ (*AMV đã thoái vốn tại Quý I/2021*).

Công ty đang thực hiện đầu tư vốn để triển khai các dự án thông qua công ty con.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình sau:



a. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách trung và dài hạn về quá trình phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty.

b. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty gồm có 03 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

c. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm ba (03) thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ năm (05) năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

d. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban nhân sự, lương thưởng: là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao cụ thể như: Tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, cán bộ quản lý cấp cao, công tác quản lý lao động và tiền lương, tiền thưởng trong công ty; Xây dựng và thực hiện các chính sách quản lý liên quan đến công tác tổ chức cán bộ của Công ty. Chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban nhân sự, lương, thưởng có thể được điều chỉnh cho phù hợp theo từng thời điểm

- Tiểu ban chính sách phát triển: là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao cụ thể như: Xác định các chiến lược phát triển, mục tiêu và kế hoạch cũng như những chỉ tiêu thành tích cơ bản của Công ty; Xác định các ưu tiên hoạt động; Xây dựng chính sách cổ tức; Đánh giá hiệu quả dài hạn các hoạt động của Công ty. Chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban Chính sách phát triển có thể được điều chỉnh cho phù hợp theo từng thời điểm

e. Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

f. Các bộ phận phòng ban

Phòng kinh doanh

Quản lý toàn bộ kênh phân phối và hệ thống các tổng đại lý trên toàn quốc, hỗ trợ các đại lý thực hiện marketing cho sản phẩm và đấu thầu bán sản phẩm.

Phòng Tài chính - Kế toán

Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn vốn phù hợp cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Hỗ trợ phòng kinh doanh trong việc thống kê doanh số và thanh toán.

Tổng hợp thông tin, phân tích và lập báo cáo kế toán cho Ban Giám đốc tham khảo và ra quyết định hoạt động kinh doanh.

Phòng Tổ chức Hành chính

Tham mưu giúp Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo, điều hành, quản lý công tác hành chính, quản trị, pháp chế, văn thư lưu trữ.

Xây dựng chiến lược và kiểm soát các hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất và môi trường làm việc của Công ty.

Lập kế hoạch và quản lý hoạt động nhân sự trong Công ty, ...

Tuyển nhân viên mới, gửi nhân viên đi đào tạo các khóa học; Tổ chức các hội thảo giới thiệu về sản phẩm.

Phòng Kỹ thuật

Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, phương án đổi mới công nghệ, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các sáng kiến, sáng chế vào sản xuất kinh doanh.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

5.1. Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành:

Không có

5.2. Công ty con, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

Hiện tại, AMV có các công ty con, thông tin cụ thể như sau:

Bảng 2. Danh sách các công ty con

Tên công ty con	Ngày thành lập	Mã số ĐKDN	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động kinh doanh chính
CTCP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	13/02/2017	2600975749	Số 307 đường Nguyễn Du kéo dài, phường Nông Trang, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ	83,33%	Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Bán buôn tổng hợp;
CTCP Trung tâm xét nghiệm và môi trường Cần Thơ <i>(AMV thoái vốn tại Quý IV/2021 theo Nghị quyết</i>	07/08/2017	6300290928	Số 62 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu vực 3, phường Ngã Bảy, TP Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98,00%	Kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế, vật phẩm và hóa chất xét nghiệm y tế, ...

<p>HDQT số 0712/2021/NQH ĐQT/AMV ngày 07/12/2021)</p>					
<p>CTCP Phòng khám Bãi Cháy Kyoto (đổi tên từ CTCP Sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật Mỹ</p>	05/03/2021	2601056963	<p>Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Linh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam</p>	100,00%	<p>Kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế, vật phẩm và hóa chất xét nghiệm y tế, ...</p>
<p>Công ty cổ phần phát triển công nghệ Hạ Long Kyoto</p>	05/02/2021	5702075950	<p>Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam</p>	99,00%	<p>Kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế, vật phẩm và hóa chất xét nghiệm y</p>
<p>Công ty cổ phần nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu</p>	03/06/2021	6300345253	<p>Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam</p>	98,00%	<p>Kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế, vật phẩm và hóa chất xét nghiệm y</p>
<p>Công ty cổ phần phát triển công nghệ Vũng Áng Kyoto</p>	12/05/2021	3002227114	<p>Lô số B1 khu kinh tế Vũng Áng 1, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam</p>	98,00%	<p>Sản xuất, đóng gói hóa chất xét nghiệm y tế và lắp ráp xe khám lưu động.</p>
<p>CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Phú Thọ <i>(AMV thoái vốn tại Quý I/2021)</i></p>	21/08/2017	2600985754	<p>Số 12 đường An Lập, thôn Tân An 4, Thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, Tỉnh Phú Thọ</p>	98,00%	<p>Kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế, vật phẩm và hóa chất xét nghiệm y</p>
<p>Công ty cổ phần sản xuất phần mềm quốc gia Việt Nam</p>	07/07/2021	0109696956	<p>Tầng 6, tòa nhà VTC online 18 Tam Trinh, Phường Minh Khải, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam</p>	98,00%	<p>Lập trình máy vi tính, sản xuất linh kiện điện tử.</p>
<p>Công ty CP PTCN Lạng Sơn KYOTO</p>	17/08/2021	4900879609	<p>Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, Xã</p>	100,00%	<p>Kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y</p>

			Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam		tế, vật phẩm và hóa chất xét nghiệm y
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Sóc Trăng	04/08/2021	2200794794	Lầu 1 số 438 đường Lê Duẩn, khóm 4, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm (trừ lưu trú bệnh nhân)
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Ngã Bảy	23/07/2021	6300346320	Số 96, Nguyễn Thị Minh Khai, Khu vực 3, phường Ngã Bảy, Thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm (Không lưu trú bệnh nhân)
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Hậu Giang	23/07/2021	6300346313	Số 16, Lầu 1, đường số 14, Khu vực 4, Phường III, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm (Không lưu trú bệnh nhân)
Cổ phần Phòng khám kỹ thuật cao Gia Lâm	29/10/2021	0109738363	T78-G2 Khu đất đầu giá 31ha, Thị trần Trâu Quý, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động của phòng khám chuyên

					khoa, cụ thể: Phòng xét nghiệm, Phòng khám chẩn đoán hình ảnh
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Cần Thơ	02/08/2021	1801708445	Số 408 đường Nguyễn văn Cừ, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm (Không lưu trú bệnh nhân)
Công ty Cổ phần Phòng khám Hà Đông	31/08/2021	0109739769	Tầng 3, Số 1 Phúc Thịnh, Cầu Bươu, phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm (Không lưu trú bệnh nhân)
Công ty Cổ phần Phòng khám Việt Trì	09/08/2021	2601065051	Số 307 đường Nguyễn Du kéo dài, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm (trừ lưu trú bệnh nhân).
Công ty Cổ phần phòng khám Hòa Bình	01/09/2021	5400527953	Số 83 đường Cù Chính Lan, Phường Đồng Tiến, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: chuyên khoa chẩn đoán

					hình ảnh; chuyên khoa xét nghiệm (trừ lưu trú bệnh nhân).
--	--	--	--	--	--

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Bảng 3. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép
2004	15.000.000.000	90.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước
2007	15.090.000.000	5.910.000.000	Phát hành riêng lẻ cho Ban Giám đốc Công ty, Cán bộ công nhân viên	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước
2011	21.000.000.000	157.500.000	Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, Đại hội đồng cổ đông, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước
2017	21.157.500.000	250.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược (*)	UBCKNN, Đại hội đồng cổ đông, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh
2019	271.157.500.000	108.462.950.000	Phát hành để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ	UBCKNN, Đại hội đồng cổ đông, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh
2021	379.620.450.000	151.848.710.000	Phát hành để trả cổ tức năm 2019, nâng vốn điều lệ	UBCKNN, Đại hội đồng cổ đông, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh

2021	531.468.160.000	379.620.450.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	UBCKNN, Đại hội đồng cổ đông, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh
------	-----------------	-----------------	---	--

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện: Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	9.462	90.252.784	99,06%
1	Tổ chức	10	4.172.113	4,58%
2	Cá nhân	9.452	86.080.671	94,48%
II	Nước ngoài	64	856.077	0,94%
	Tổ chức	12	517.224	0,57%
	Cá nhân	52	338.853	0,37%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	9.526	91.108.861	100
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 22/10/2021 do VSD lập)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật
Theo công văn số 3242/UBCK-PTTT ngày 30/06/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại AMV là 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 0,94% (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/10/2021)

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Các Sản phẩm, Dịch vụ của công ty

a. Liên kết đầu tư các trung tâm xét nghiệm

Công ty đang tập trung triển khai đầu tư các dự án trung tâm xét nghiệm tập trung. Dự kiến theo kế hoạch, đây cũng là mảng hoạt động mang về nguồn doanh thu chính cho Công ty trong tương lai.

Trung tâm xét nghiệm tập trung có ưu điểm là giảm vật tư tiêu hao, hóa chất, giảm các chi phí về điện, nước, nhân sự và có đầy đủ máy móc thiết bị xét nghiệm so với phòng xét nghiệm tại mỗi bệnh viện, điều này góp phần giảm giá thành cho bệnh nhân và cả chi phí đầu tư cho bệnh viện. Theo đó, các mẫu xét nghiệm của các bệnh viện, trong vòng bán kính khoảng 50 km so với trung tâm xét nghiệm có thể tập trung mẫu về đây và trả kết quả online nhanh chóng. Hiện nay, đa phần các bệnh viện đều có phòng xét nghiệm, nhưng chỉ tập trung ở 04 loại máy móc chính là sinh hóa, miễn dịch, huyết học, nước tiểu. Trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ đầu tư một số trung tâm xét nghiệm tại một số tỉnh, thành phố khác. Đến nay, Công ty đã có văn bản chấp thuận ở cấp Ủy ban nhân dân một số tỉnh như: Khánh Hòa, Cần Thơ, Vũng Tàu, Nghệ An, Quảng Ninh. Kỳ vọng của Công ty tại mỗi tỉnh sẽ phát triển trung bình 03 trung tâm xét nghiệm và dự kiến trong năm 2021, Công ty sẽ triển khai tổng cộng 08 trung tâm xét nghiệm.

b. Công nghệ thông tin – phần mềm y tế

Một số giải pháp công nghệ thông tin và phần mềm y tế Công ty đang thực hiện cung cấp:

- ✓ Sản phẩm hệ thống quản lý bệnh viện – HIS

Công ty đã mua bán quyền phần mềm quản lý bệnh viện của Nhật và đang được ứng dụng rộng rãi ở Nhật bản với việc chuẩn hóa đồng bộ dữ liệu cao và cho phép hệ thống vận hành ổn định.

✓ **Sản phẩm hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y tế – PACS**

Trước đây, chụp X-quang hay cộng hưởng từ, chụp cắt lớp đều có phim rửa trong buồng tối rồi phơi khô, đến thế hệ thứ hai là kỹ thuật số - tức chụp và in phim (gọi là phim laze hay phim khô). Đối với lĩnh vực này, Bộ Y tế có định hướng trong tương lai gần, toàn bộ bệnh viện không in phim. Theo đó, Công ty sẽ tập trung cho xu hướng chuyển đổi phim laze in tại chỗ sang không cần phải in phim, mà sử dụng hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y tế - PACS.

Đến nay, Công ty đã triển khai được 70 bệnh viện không in phim. Công ty kỳ vọng sẽ là một trong 3 - 4 công ty chiếm thị phần lĩnh vực PACS.

✓ **Sản phẩm phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên sâu và đọc kết quả giải phẫu bệnh – RIS**

Phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên sâu Alma – Tây Ban Nha. Đây là phần mềm có các tính năng phân tích hình ảnh chuyên sâu cho bác sỹ chẩn đoán hình ảnh.

✓ **Sản phẩm hệ thống quản lý xét nghiệm – LIS**

Đầu năm 2017, Công ty chính thức mua bán quyền của hệ thống quản lý xét nghiệm của hãng Sword System của Nhật Bản. Đây là một phần mềm quản lý xét nghiệm được phát triển, ứng dụng phổ biến ở Nhật, các khách hàng đánh giá rất cao về tính ổn định, chính xác của hệ thống. Hệ thống này còn có thể quản lý xét nghiệm theo mô hình tập trung (Labcenter)

c. Đầu tư trang thiết bị trọn gói cho bệnh viện

Đây là mảng kinh doanh truyền thống của Công ty trong lĩnh vực cung cấp trang thiết bị bệnh viện, Công ty định hướng cung cấp trọn gói (khoảng 350 trang thiết bị) có thể tham gia đấu thầu và đảm bảo được chất lượng, giá thành cũng như có đối tác cung cấp uy tín. Hiện nay, Công ty là một trong những nhà cung cấp lớn cho một số bệnh viện.

Một số trang thiết bị y tế công ty đang cung cấp bao gồm:

- Thiết bị chẩn đoán hình ảnh
- Thiết bị Điều trị ung thư
- Thiết bị Nội soi
- Thiết bị Khoa ngoại
- Thiết bị Khoa Tai - mũi họng
- Thiết bị Khoa Sản – nhi
- Thiết bị Khoa thận
- Thiết bị Khoa răng
- Thiết bị Thăm dò chức năng

- Thiết bị Phục hồi chức năng

d. Tổng thầu dự án/kinh doanh bán lẻ thiết bị y tế

Công ty hiện nay đang hướng đến mục tiêu trở thành tổng thầu dự án thiết bị y tế. Năm 2018, AMV được 3 hãng xét nghiệm lớn nhất thế giới chấp thuận làm tổng thầu phân phối các sản phẩm của họ tại Việt Nam. Đây là lĩnh vực mới, kỳ vọng sẽ giúp Công ty bước sang tầm cao mới, đạt được doanh số tốt. Chủ lực của AMV vẫn là lĩnh vực xét nghiệm, trong đó có một số xét nghiệm chưa phát triển tại Việt Nam như xét nghiệm dị ứng cho kết quả chi tiết dị ứng do cái gì... Hiện Công ty đã có đối tác trong lĩnh vực này (đối tác đã có thị phần 70% về xét nghiệm dị ứng trên toàn thế giới). Trang thiết bị y tế hiện đang cung cấp gồm:

✓ Máy rửa dây nội soi bằng Ozone của hãng IHI, Nhật Bản

Đặc điểm	Khử khuẩn bằng Máy tạo ozone IHI	Khử khuẩn bằng tay với hóa chất Cidex OPA
Mùi, màu sắc	Không mùi, không màu	Có mùi nồng, có thể gây kích thích niêm mạc mắt
Tiếp xúc với cơ thể	Không phát hiện thấy kích thích, phản ứng khi tiếp xúc	Kích ứng mạnh khi tiếp xúc với vùng niêm mạc nhạy cảm: mắt, da
Tiếp xúc với môi trường	Không phát hiện thấy dấu hiệu phản ứng, bám dính với môi trường xung quanh	Bám dính màu lên quần áo, bảo hộ và các thiết bị máy móc đi kèm ONSM, khó tẩy rửa.
Thời gian tiếp xúc	Không tiếp xúc trực tiếp vì quy trình khử khuẩn của máy tự động và khép kín.	Tiếp xúc trực tiếp trong thời gian khử khuẩn.
Nước thải sau khi khử khuẩn	Không có vi sinh vật nên không đòi hỏi một quy trình xử lý Thân thiện với môi trường	

✓ Hệ thống xét nghiệm vi khuẩn lao sinh học phân tử tự động TRC, hãng Tosoh, Nhật Bản

Đây là phương pháp xét nghiệm sinh học phân tử dựa trên khuếch đại ARN trong tế bào.

- Tốc độ: cao nhất so với các phương pháp khác: 8 mẫu bệnh nhân thực hiện trong 40 phút → mỗi bệnh nhân 5 phút.
- Độ nhạy: 98%.

- Độ đặc hiệu: 98%.
- Mẫu thử: mẫu máu hoặc đờm, phân, nước tiểu, dịch...

Hiện công ty đã triển khai được ở BV Phổi T, Phổi HN, Phổi Hậu Giang, Phổi Đồng Tháp, ĐK tỉnh Phú Thọ, BV Quốc tế Hải Phòng.... và nhận được nhiều phản hồi tốt từ các đơn vị sử dụng.

✓ **Máy xét nghiệm miễn dịch tự động của hãng Tosoh, Nhật Bản với các model: AIA 360, AIA 900, AIA 2000**

Ưu điểm của máy xét nghiệm miễn dịch tự động là:

- Trả kết quả nhanh nhất hiện nay.
- Kết quả xét nghiệm có độ nhạy, độ chính xác cao, phương thức đo huỳnh quang giúp giảm nhiễu.
- Hóa chất khô, đóng hộp đơn lẻ (theo từng test) nên sử dụng thuận tiện, tiết kiệm.
- Thực hiện 56 danh mục xét nghiệm bao quát trải rộng các xét nghiệm miễn dịch.

e. Trung tâm điều trị hiếm muộn bằng phương pháp IVF

IVF (In vitro fertilization) - Thụ tinh trong ống nghiệm là kỹ thuật điều trị vô sinh – hiếm muộn, trong đó, tinh trùng của người chồng và trứng của người vợ sẽ được thụ tinh trong phòng thí nghiệm để tạo thành phôi. Với công nghệ IVF Nhật Bản, Công ty đã hợp tác với Bệnh viện Kato dự kiến mang lại tỷ lệ thành công vượt trội, gắn với cơ chế tự nhiên nên giảm thiểu chi phí cũng như tác dụng phụ, biến chứng nguy hiểm đối với cơ thể con người. Bệnh viện Kato là bệnh viện đứng đầu về IVF của Nhật Bản, công nghệ độc quyền có tên gọi là Công nghệ giảm thiểu kích thích, Bệnh viện đã giúp cho 30.000 em bé chào đời với công nghệ này. Ngoài Nhật Bản, bệnh viện đã phát triển được mạng lưới quốc tế bao gồm các trung tâm IVF tại Mỹ, Trung Quốc, Philipin và lần này là tại Việt Nam. AMV tự hào vì đã vượt qua được rất nhiều các tiêu chí rà soát nghiêm ngặt với tiêu chuẩn cao của phía đối tác để trở thành đối tác hợp tác chuyển giao công nghệ và khai thác vận hành trên lãnh thổ Việt Nam. Lộ trình phát triển các trung tâm dự kiến sẽ là từ Phú Thọ sau đó lần lượt xây dựng trung tâm tại Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng...

f. Đầu tư xây dựng chuỗi phòng khám chuyên khoa xét nghiệm đi kèm mô hình xe khám lưu động trực thuộc phòng khám.

Theo thống kê của Bộ Y tế, công suất sử dụng giường bệnh trung bình của bệnh viện công lên tới 110%, nhiều bệnh viện tuyến Trung ương như tại bệnh viện K trung ương công suất sử dụng bệnh là trên 170%, BV Bạch Mai 168%, Chợ Rẫy 139%... Thậm chí, tại nhiều khoa phòng chuyên khoa, tình trạng quá tải quá tải còn nặng nề hơn như: tại Khoa phẫu thuật tổng hợp, bệnh viện K trung ương công suất sử dụng giường lên tới 340%, Khoa phẫu thuật vú là 326%, Khoa xạ (282%). Tại các BV đa khoa lớn như Chợ Rẫy, Việt Đức, Bạch Mai, Nhi Trung ương... các khoa như tim mạch, hô hấp, ung bướu, nội tiết cũng luôn trong tình trạng quá tải khoảng 200%.

Các bệnh viện và phòng khám tư nhân đã ra đời nhằm giải quyết cho tình trạng quá tải bệnh nhân. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà các cơ sở này còn ít thu hút được bệnh nhân:

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế: các phòng khám, bệnh viện nhỏ thường đặt mục tiêu lợi nhuận do vậy thường chọn mua các thiết bị giá rẻ trên thị trường có xuất xứ không rõ ràng,...và ít xem trọng đến chất lượng của thiết bị. Các thiết bị do vậy xảy ra các trường hợp nhanh hỏng hóc, độ chính xác trong đo lường và chẩn đoán không cao dẫn đến chất lượng khám chữa bệnh chưa đảm bảo.

+ Đội ngũ nhân lực cho vận hành thiết bị và chẩn đoán, khám chữa bệnh còn hạn chế: điều này vừa dẫn đến chất lượng khám chữa bệnh thấp, vừa làm giảm tuổi thọ thiết bị nếu không được vận hành, bảo dưỡng đúng cách.

+ Tổ chức hoạt động phòng khám thiếu chuyên nghiệp: nhìn chung công tác điều hành hoạt động của các PK chưa có quy củ, quản lý chất lượng công tác và hiệu quả khám chữa bệnh chưa cao, nề nếp hoạt động còn nhiều lúng túng. Số lần khám bệnh chưa đạt chỉ tiêu đề ra, số lần sử dụng các dịch vụ xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh rất hạn chế, dịch vụ kỹ thuật triển khai còn rất thấp so với quy định của Bộ Y tế. Do vậy, công tác khám chữa bệnh của một số PK chưa thật sự hấp dẫn người bệnh và chưa tạo được hình ảnh tốt để người bệnh thật sự an tâm điều trị và kể cả khám chữa bệnh

+ Khám chữa bệnh bảo hiểm y tế: một trong những yếu tố quan trọng để thu hút lượng bệnh nhân, tạo ra một nguồn bệnh nhân ổn định là cơ sở có đăng kí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

+ Số lượng các bệnh viện, phòng khám uy tín và có chất lượng thật sự tốt thường không nhiều, và chủ yếu tập trung tại hai thành phố lớn là Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Trong khi 61 tỉnh thành còn lại nhu cầu khám chữa bệnh rất cao nhưng chưa được đáp ứng.

Có thể nhận thấy nghịch lý là trong khi các bệnh viện công đang quá tải thì các bệnh viện tư lại chưa hoạt động hết công suất. Tâm lý người bệnh vẫn còn nghi ngại khi trao gửi sức khỏe của bản thân trước một cơ sở y tế tư nhân và vẫn chấp nhận chịu chung tình trạng quá tải tại các bệnh viện công lập.

Một chuỗi phòng khám kỹ thuật cao chuyên nghiệp, hiện đại, kết hợp nhiều nguồn lực để giải quyết các vấn đề của các cơ sở y tế tư nhân nói trên được hình thành nhằm giải quyết được nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân, vừa khai thác được nguồn bệnh nhân hiệu quả.

Hơn thế nữa, chuyên khoa xét nghiệm là một chuyên khoa rất quan trọng trong quy trình khám, chẩn đoán bệnh tật mà bất kỳ cơ sở khám chữa bệnh nào cũng cần triển khai, đây là nền tảng để các bác sỹ đưa ra phương pháp chẩn đoán, điều trị một cách chính xác, hiệu quả nhất.

Mô hình xa khám lưu động đang trên đà phát triển mạnh nhất là trong thời buổi dịch bệnh, nhu cầu khám bệnh, kiểm tra sức khỏe của các doanh nghiệp, xí nghiệp, khu Công nghiệp, khu chế xuất, nhà máy, trường học....là rất lớn. Việc khám sức khỏe định kỳ cho Cán bộ công nhân viên ở các nơi này là cần thiết và đảm bảo quyền lợi cho người lao động cũng như là quy định bắt

buộc của Nhà nước. Khám sức khỏe định kỳ (KSKĐK) là một trong những cách thức chăm sóc sức khỏe rất hiệu quả. Ở hầu hết các đơn vị hiện nay, việc KSKĐK cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) là nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp, đã trở thành một trong những chương trình không thể thiếu trong quá trình hoạt động phát triển hàng năm của tất cả các doanh nghiệp.

Các phòng khám được đặt tại 35/63 tỉnh thành của cả nước. Căn cứ vào mật độ dân số cũng như tình hình phát triển kinh tế chung của các địa phương, công ty sẽ lựa chọn các tỉnh có mật độ dân số cao và có nền kinh tế tương đối phát triển trở lên để đầu tư.

Giai đoạn 1: 08 phòng khám tại Hà Nội, Hòa Bình, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cần Thơ ; trang bị máy móc thiết bị chẩn đoán tại phòng khám và xe khám lưu động.

Giai đoạn 2: 25~30 phòng khám chuyên khoa xét nghiệm tại TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bạc Liêu, Vũng Tàu....

Sản lượng sản phẩm / giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Nhóm sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán thiết bị y tế	435.091.246.693	89,27%	60.205.817.857	37,17%	43.749.540.000	19,5%
Doanh thu bán vật tư tiêu hao	34.835.610.983	7,15%	39.864.698.055	24,61%	18.558.648.794	8,30%
Doanh thu khác	17.455.585.960	3,58%	61.911.911.241	38,22%	161.534.605.854	72,16%
Tổng cộng	487.382.443.636	100%	161.982.427.153	100%	223.842.794.648	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Nhóm sản phẩm	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp bán thiết bị y tế	231.305.731.822	96,91%	41.442.664.471	50,99%	15.896.161.182	13,98%
Lợi nhuận gộp bán vật tư tiêu hao	5.795.592.394	2,42%	10.466.596.458	12,88%	5.295.096.156	4,66%

Lợi nhuận gộp khác	1.590.976.410	0,67%	29.359.679.718	36,13%	92.502.997.960	81,36%
Tổng cộng	238.692.300.626	100 %	81.268.940.647	100%	113.694.255.298	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

10.2. Tài sản

Bảng 6. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	37.602.935.667	14.409.318.510	23.193.617.157
- Máy móc, thiết bị	37.602.935.667	14.409.318.510	23.193.617.157
Tài sản cố định vô hình	36.721.327.640	13.264.654.955	23.456.972.685
- Phần mềm máy tính	27.613.497.640	5.522.699.472	22.090.798.168
- Bản quyền, bằng sáng chế	9.107.830.000	7.741.655.483	1.366.174.517
Tổng cộng	74.324.263.307	27.673.973.465	46.650.589.842

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020)

Bảng 7. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	38.440.567.569	14.688.529.158	23.752.038.411
- Máy móc, thiết bị	38.440.567.569	14.688.529.158	23.752.038.411
Tài sản cố định vô hình	52.075.687.440	16.335.226.907	35.740.460.533
- Phần mềm máy tính	42.967.857.440	9.048.962.928	33.918.894.512
- Bản quyền, bằng sáng chế	9.107.830.000	7.286.263.979	1.821.566.021
Tổng cộng	90.516.255.009	31.023.756.065	59.492.498.944

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020)

Bảng 8. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2021 (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	77.738.346.960	54.778.319.123	22.960.027.837

- Máy móc, thiết bị	77.738.346.960	54.778.319.123	22.960.027.837
Tài sản cố định vô hình	49.720.204.008	16.535.258.180	33.184.945.828
- Phần mềm máy tính	40.612.374.008	8.110.515.441	32.501.858.567
- Bản quyền, bằng sáng chế	9.107.830.000	8.424.742.739	683.087.261
Tổng cộng	127.458.550.968	71.313.577.303	56.144.973.665

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

Bảng 9. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2021 (Hợp nhất)

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	74.416.567.361	7.331.559.537	67.085.007.824
- Máy móc, thiết bị	74.416.567.361	7.331.559.537	67.085.007.824
Tài sản cố định vô hình	52.075.687.440	16.335.226.907	33.548.822.315
- Phần mềm máy tính	41.806.311.607	9.282.120.181	32.524.191.426
- Bản quyền, bằng sáng chế	9.107.830.000	8.083.199.111	1.024.630.889
Tổng cộng	126.492.254.801	23.666.786.444	100.633.830.139

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

10.3. Thị trường hoạt động

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Bảng 10. Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu
Trong nước	44.771.703.620	100%	25.534.909.033	100%	91.310.690.021	100%
Nước ngoài	0	0%	0	0%	0	0%

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

Bảng 11. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	120.711.955.728	100%	237.503.825.092	100%	164.145.845.717	100%
Nước ngoài	0	0%	0	0%	0	0%

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

Bảng 12. Cơ cấu doanh thu Hợp nhất theo thị trường hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu
Trong nước	487.382.443.636	100%	161.982.427.153	100%	223.842.794.648	100%
Nước ngoài	0	0%	0	0%	0	0%

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế Hợp nhất theo thị trường hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	224.344.936.184	100%	86.712.140.024	100%	81.608.084.797	100%
Nước ngoài	0	0%	0	0%	0	0%

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính:

Hiện nay Công ty đang triển khai một số dự án:

a. Dự án liên kết đầu tư Trung tâm xét nghiệm tại Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn: Thực hiện Quyết định Số 3159/QĐ-SYT ngày 02/8/2017 của Sở y tế Tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt đề án đầu tư liên doanh, liên kết trung tâm xét nghiệm tại Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn hoạt động theo mô hình xã hội hóa và Nghị quyết 93/NQCP ngày 15/12/2014 của Chính Phủ. Tổng khái toán đầu tư dự kiến là 75 tỷ đồng. Thời gian liên doanh, liên kết 25 năm thông qua hợp đồng liên kết giữa hai bên tính từ khi nghiệm thu bàn giao đưa trung tâm vào hoạt động, kết thúc hợp đồng tài sản trên thuộc quyền sở hữu của Bệnh viện. Hợp đồng liên kết khai thác Trung tâm Xét nghiệm ngày 09/08/2017 giữa Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn và Công ty CP Đầu tư LOU; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3008/2017/HĐHT-LOU-BVVM ngày 30/08/2017 giữa Công ty CP Đầu tư LOU và Công ty CP Đầu tư Bệnh Viện Việt Mỹ. Theo đó, các bên cùng hợp tác xây dựng dự án “2 trung tâm xét nghiệm chất lượng cao” tại Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ và Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn. Thời hạn hợp tác 50 năm từ ngày đi vào hoạt động. Diện tích xây dựng 400m²/mỗi trung tâm. Công ty CP Đầu tư LOU góp 5% tổng vốn đầu tư (vốn đầu tư dự kiến 150 tỷ đồng). Phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn.

b. Dự án liên kết đầu tư Trung tâm xét nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ: Thực hiện Quyết định Số 3158/QĐ-SYT ngày 02/8/2017 của Sở y tế Tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt đề án đầu tư liên doanh liên kết Trung tâm xét nghiệm tại Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ hoạt động theo mô hình xã hội hóa và Nghị quyết 93/NQCP ngày 15/12/2014 của Chính Phủ. Tổng khái toán đầu tư dự kiến là 75 tỷ đồng. Thời gian liên doanh, liên kết 25 năm. Hợp đồng liên kết đầu tư xây dựng Trung tâm Xét nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ số 01/2017/BVĐKTXPT-LOU ngày 09/08/2017 giữa Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ và Công ty CP Đầu tư LOU; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3008/2017/HĐHT-LOU-BVVM ngày 30/08/2017 giữa Công ty CP Đầu tư LOU và Công ty CP Đầu tư Bệnh Viện Việt Mỹ. Theo đó, các bên cùng hợp tác xây dựng dự án “2 trung tâm xét nghiệm chất lượng cao” tại Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ và Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn. Thời hạn hợp tác 50 năm từ ngày đi vào hoạt động. Diện tích xây dựng 400m²/ mỗi trung tâm. Công ty LOU góp 5% tổng vốn đầu tư (vốn đầu tư dự kiến 150 tỷ đồng). Phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn.

c. Dự án liên kết đầu tư Trung tâm xét nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ: Thực hiện Quyết định Số 522/QĐ-SYT ngày 21/06/2018 của Sở y tế Tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt đề án liên doanh liên kết đầu tư Trung tâm xét nghiệm chất lượng cao tại Bệnh viện đa khoa tỉnh hoạt động theo mô hình xã hội hóa. Hợp đồng liên doanh, liên kết đầu tư Trung tâm Xét nghiệm chất lượng cao tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ số 919/2018/BVĐKPT-VM ngày 29/06/2018 giữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ và Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ. Tổng mức đầu tư dự kiến 171,44 tỷ (trong đó vốn dự phòng 4 tỷ đồng) đồng. Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ

đóng góp hệ thống trang thiết bị xét nghiệm Hóa sinh, Huyết học truyền máu hiện có, hệ thống chuyển mẫu, cơ sở hạ tầng (Phòng đặt máy, phòng kỹ thuật, khu phụ trợ, hệ thống điện, nhân công...) đủ tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tương đương 35,8 tỷ đồng. Giá trị trang thiết bị được đầu tư mới 100% tương ứng 131,6 tỷ do đối tác (là công ty CP đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ) đầu tư. Thời gian đầu tư quý 3/2018. Thời gian liên doanh, liên kết 12 năm.

d. Dự án liên kết đầu tư Khoa hỗ trợ sinh sản tại Trung tâm sản nhi trực thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ: Thực hiện quyết định số 521/QĐ-SYT ngày 21/06/2018 của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt đề án liên doanh, liên kết đầu tư Khoa hỗ trợ sinh sản tại Trung tâm Sản nhi trực thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ. Hợp đồng liên doanh liên kết Đầu tư khoa hỗ trợ sinh sản tại Trung tâm Sản Nhi trực thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ số 918/2018/BVĐKPT-KP ngày 29/06/2018. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính 92,99 tỷ đồng. Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ đóng góp cơ sở hạ tầng hiện có bằng 40% giá trị hợp đồng tương đương 37,1 tỷ đồng. Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ đóng góp 60% giá trị hợp đồng bằng việc đầu tư mới 100% máy móc thiết bị tương ứng 55,89 tỷ đồng. Thời hạn của hợp đồng 10 năm. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn 4/6.

e. Đầu tư xây dựng chuỗi phòng khám chuyên khoa xét nghiệm đi kèm mô hình xe khám lưu động trực thuộc phòng khám: Năm 2021 Công ty bắt đầu triển khai bước đầu mô hình hoạt động kinh doanh chuỗi phòng khám chuyên khoa xét nghiệm đi kèm mô hình xe khám lưu động trực thuộc phòng khám. Với mục tiêu đặt ra trong giai đoạn I: 08 phòng khám tại Hà Nội, Hòa Bình, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cần Thơ; Cuối quý 4/2021 đã có 07/08 phòng khám đã có đầy đủ giấy phép hoạt động phòng khám, trang thiết bị cơ bản và nhân sự để đảm bảo đi vào hoạt động. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp hoạt động phòng khám đang tạm ngừng theo chính sách hoạt động của các địa phương.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 14. Các hợp đồng lớn đã được thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện

STT	Đối tác	Tên hợp đồng/ Số hợp đồng	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị HD (Tỷ VND)	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng
BÁN								
1.	Công ty CP dược- Trang thiết bị y tế Bình Định	2911/2019/HĐKT-MTCT-BDP	Máy móc thiết bị Y Tế	29/11/2019	Quý IV/2019	1,9 tỷ	Không	Không
2.	Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	030719/NM-KAN	Máy móc thiết bị Y Tế	25/10/2019	Quý IV/2019	4,2 tỷ	Không	Không
3.	Bệnh viện Phổi Trung Ương	HC/L1-2018/BVPTW-ĐD	Hóa chất	28/12/2018	Năm 2019	4,987 tỷ	Không	Không
4.	CTCP tập đoàn quốc tế Aiko	2510/2019/YTPT-AIKO	Trang thiết bị y tế	25/10/2019	Quý IV/2019	23 tỷ	Không	Không
5.	CTCP tập đoàn quốc tế Aiko	2610/2019/YTPT-AIKO	Phần mềm	26/10/2019	Quý IV/2019	46 tỷ	Không	Không
6.	CTCP SX Kinh doanh Thiết bị Y tế môi trường Phú Thọ	312/2019/HĐMB/MTPT-YTPT	Trang thiết bị y tế	03/12/2019	Quý IV/2019	13,2 tỷ	Không	Không
7.	CTCP SX Kinh doanh Thiết bị Y tế môi trường Phú Thọ	0512/2019/MTPT-KTCPT	Trang thiết bị y tế	05/12/2019	Quý IV/2019	24,2 tỷ	Không	Không

CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Bản cáo bạch

8.	Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng công nghệ y học	1307/2019/YTPT-YH	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	13/08/2019	Quý III/2019	22,8 tỷ	Không	Không
9.	Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng công nghệ y học	1208/2019/YTPT-YH	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	12/08/2019	Quý III/2019	11,4 tỷ	Không	Không
10.	Công Ty TNHH Thiên An Phú Thọ	01/YTPT-TAPT/2019	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	12/08/2019	Quý IV/2019	5,1 tỷ	Không	Không
11.	Công TY CP ĐT KTC Cận Thơ	1506/2019/PT-CT	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	15/06/2019	Quý III/2019	4,2 tỷ	Không	Không
12.	Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng công nghệ y học	1212/2019/HĐKT/YTPT-CNYH	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	16/12/2019	Quý IV/2019	2,9 tỷ	Không	Không
13.	Công ty CP Tập đoàn quốc tế AIKO	1109/2020/AMV-AIKO	Phần mềm	Phần mềm	11/09/2020	Quý III/2020	5,015 tỷ	Không	Không
14.	Công ty cổ phần SARA Vũng Tàu	3007/2020/HĐKT-KPK-AMV	Lò đốt rác	Lò đốt rác	30/07/2020	Quý III/2020	13,2 tỷ	Không	Không
15.	Bệnh viện Phổi Trung Ương	HC30/L1-2019/BVPTW-HĐ	Hóa chất	Hóa chất	08/10/2019	Quý IV/2019- Quý III/2020	4,137 tỷ	Không	Không

16.	CTCP tập đoàn quốc tế Aiko	0101/2020/MTCT-AIKO	Phản mềm	Phản mềm	16/03/2020	Quý I/2020	7 tỷ	Không	Không
17.	CTCP Tập đoàn quốc tế AIKO	0607/2021/HĐKT/AIKO-AMV	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	06/07/2021	Quý III/2021	1,1 tỷ	Không	Không
18.	CTCP Sara Vũng Tàu	2002/2021/SRAVT-VM	Lò đốt rác	Lò đốt rác	20/02/2021	Quý I/2021	13,2 tỷ	Không	Không
19.	CÔNG TY CP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO Y TẾ NHÀ TRANG	0807/2021/AMV-YTNT	Phản mềm	Phản mềm	08/07/2021	Quý III/2021	15 tỷ	Không	Không
20.	CTCP Vinam	0804/2021/AMV-VINAM	Phản mềm	Phản mềm	08/04/2021	Quý II/2021	9 tỷ	Không	Không
21.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM KỸ THUẬT CAO GIA LÂM	0612/2021/HĐKT/AMV/GL	Phản mềm	Phản mềm	06/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có
22.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM HÀ ĐÔNG	0512/2021/HĐKT/AMV/HĐ	Phản mềm	Phản mềm	05/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có
23.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE TÂN THỜI HIỆP	0812/2021/HĐKT/AMV/TTH	Phản mềm	Phản mềm	08/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Không	Không

24.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE NHÀ BÈ	09/12/2021/HĐKT/AMV /NB	Phản mêm	Phản mêm	09/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Không	Không
25.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE CÀN THO	25/12/2021/HĐKT/AMV /CT	Phản mêm	Phản mêm	06/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có
26.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE SÓC TRĂNG	03/12/2021/HĐKT/AMV /ST	Phản mêm	Phản mêm	09/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có
27.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM BÀI CHÁY KYOTO	21/12/2021/HĐKT/AMV /KYOTO	Phản mêm	Phản mêm	11/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có
28.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM HÒA BÌNH	07/12/2021/HĐKT/AMV /HB	Phản mêm	Phản mêm	07/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có
29.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM MEDICARE HẬU GIANG	22/12/2021/HĐKT/AMV /HG	Phản mêm	Phản mêm	11/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có
30.	CÔNG TY CP PHÒNG KHÁM MEDICARE NGÃ	02/12/2021/HĐKT/AMV /NB	Phản mêm	Phản mêm	02/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có

BÁY		MUA											
STT	Đơn vị	STT	Đơn vị	STT	Đơn vị	STT	Đơn vị	STT	Đơn vị	STT	Đơn vị	STT	Đơn vị
31.	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG KHÁM VIỆT TRÌ	0412/2021/HĐKT/AMV/VT	Phần mềm	Phần mềm	04/12/2021	Quý IV/2021	3,513 tỷ	Có	Có				
1.	CT TNHH Khoa học và Công nghệ Hà Thành	126/YTPT-HT/2019	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	12/03/2019	Quý I/2019	6,3 tỷ	Không	Không				
2.	CT TNHH Dịch vụ tổng hợp Hoàng Long	1503/2019/PT-HL	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	15/03/2019	Quý III/2016	2,8 tỷ	Không	Không				
3.	Công Ty Cổ Phần Thiên Trường	01/2019/HĐKT-TTr-TTBYYTPT	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	15/03/2019	Quý II/2019	1 tỷ	Không	Không				
4.	CTCP SX Kinh doanh Thiết bị Y tế môi trường Phú Thọ	2011/2019/YTPT-MTPT	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	22/11/2019	Quý IV/2019	7,1 tỷ	Không	Không				
5.	Công ty TNHH Kỹ Thuật Thanh Hà	0212/2019/HĐMB/TH-PH	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	02/12/2019	Quý IV/2019	9 tỷ	Không	Không				
6.	Công ty TNHH thiết bị Y tế Phương Đông	513/HĐKT/2019/PT-PĐ	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	10/12/2019	Quý IV/2019	1,1 tỷ	Không	Không				
7.	Công ty TNHH Kỹ	1612/2019/HĐ/TH-	Trang thiết bị	Trang thiết bị	19/12/2019	Quý	5,3 tỷ	Không	Không				

	Thuật Thanh Hà	YTPT	bị y tế	y tế	IV/2019		
8.	Công ty CP TBYT Triết Tôn Tiên	0111/2019/HĐMB/TT T-VM	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	Quý IV/2019	01/11/2019	Không
9.	Công ty CP Sara Phú Thọ	2407/2020/SRPT- AMV	Lò đốt rác	Lò đốt rác	Quý III/2020	24/07/2020	Không
10.	CTCP Đầu Tư kỹ thuật cao Cần Thơ	1211/2020/HĐKT/KT CCT-MTCT	Vỏ lò đốt rác	Vỏ lò đốt rác	Quý IV/2020	12/11/2020	Không
11.	CTCP Tập đoàn quốc tế AIKO	0503/2020/YTPT- AIKO	Trang thiết bị y tế		Quý I/2020	05/03/2020	Không
12.	CTCP Kanpeki Nhật Bản	Hợp đồng 210221/HĐKT/AMV- KAN và phụ lục hợp đồng 0303/PLHĐ/AMV- KAN	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	Quý III/2021	21/02/2021 & 03/03/2021	Không
13.	CTCP Kanpeki Nhật Bản	0303/2021/HĐKT/AM V-KAN	Trang thiết bị y tế	Trang thiết bị y tế	Quý III/2021	03/03/2021	Không
14.	CT TNHH Môi trường y tế công nghệ cao	0207/2021/HĐKT/CN C-AMV	Phần mềm	Phần mềm	Quý III/2021	02/07/2021	Không
15.	CTCP Đầu tư LOU	0307/2021/HĐKT/LO	Phần mềm	Phần mềm	Quý	03/07/2021	Không

	U-AMV					III/2021			
16.	CT TNHH Phát triển y học Nhật	0507/2021/HĐKT/YH N-AMV	Phần mềm	Phần mềm	Phân mềm	05/07/2021	Quý III/2021	52,5 tỷ	Không
17.	CTCP Kanpeki Nhật Bản	0607/2021/HĐKT/AM V-KANPEKI	Phần mềm	Phần mềm	Phân mềm	06/07/2021	Quý III/2021	52,5 tỷ	Không
18.	Công ty CP kỹ thuật Công nghệ Phương Đông	03082021/HĐMB/PĐ - AMV	Máy tính, máy chủ, màn hình y tế, tủ rack, bộ nguồn điện	Máy tính, máy chủ, màn hình y tế, tủ rack, bộ nguồn điện	Máy tính, máy chủ, màn hình y tế, tủ rack, bộ nguồn điện	03/08/2021	IV/2021	4,283 tỷ	Không
19.	CTCP Tập đoàn quốc tế AIKO	1510/2021/HĐKT/AI KO - AMV	Trang thiết bị Y Tế	Trang thiết bị Y Tế	Trang thiết bị Y Tế	15/10/2021	IV/2021	2,880 tỷ	Không

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 15. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Khách hàng, nhà cung cấp lớn	Sản phẩm/dịch vụ cung cấp	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch (tỷ VNĐ)	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Mối quan hệ (*)
	KHÁCH HÀNG					

1	Bệnh viện phổi Trung Ương	Trang thiết bị y tế	06/03/2020	9,124 tỷ	3,58%	Không
2	Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	Trang thiết bị y tế	01/09/2020	4,2	0,86%	Không
3	Công ty Cổ phần tập đoàn quốc tế AIKO	Trang thiết bị y tế	25/09/2020	82 tỷ	22,28%	Không
4	CTCP SX Kinh doanh Thiết bị Y tế môi trường Phú Thọ	Trang thiết bị y tế	03/03/2021	34,7 tỷ	7,67%	Không
5	Công ty cổ phần SARA Vũng Tàu	Lò đốt rác	Quý III/2020	13,2 tỷ	8,15%	Không
6	Công TY CP ĐT KTC Cần Thơ	Trang thiết bị y tế	Quý III/2019	4,2 tỷ	0,86%	Không
7	CÔNG TY CP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO Y TẾ NHÀ TRANG	Trang thiết bị y tế	Quý III/2021	15 tỷ	10,79%	Không
NHÀ CUNG CẤP						
1	CT TNHH Khoa học và Công nghệ Hà Thành	Trang thiết bị y tế	2019	6,3 tỷ	1,05%	Không
2	CTCP SX Kinh doanh Thiết bị Y tế môi trường Phú Thọ	Trang thiết bị y tế	2019	7,1 tỷ	1,69%	Không
3	Công ty TNHH Kỹ Thuật Thanh Hà	Trang thiết bị y tế	2019	14,3 tỷ	3,41%	Không
	Công ty CP TBYT Triết Tôn Tiên	Trang thiết bị y tế	2019	40 tỷ	9,53%	Không

	CTCP Đầu Tư kỹ thuật cao Cần Thơ	Vỏ lò đốt rác	2020	11,2 tỷ	9,50%	Không
4	Công ty CP Sara Phú Thọ	Lò đốt rác	2020	9,9 tỷ	8,40%	Không
5	CTCP Tập đoàn quốc tế AIKO	Trang thiết bị y tế	2020	5,5 tỷ	4,66%	Không

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

(*) Mọi quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành.

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Vị thế của Công ty trong ngành

AMV hiện là nhà phân phối lớn nhất trong cả nước trong lĩnh vực chuẩn đoán hình ảnh, lĩnh vực vật tư tiêu hao, đầu tư liên kết thiết bị. AMV hiện là nhà phân phối chính thức của các sản phẩm thiết bị y tế của các tập đoàn lớn trên thế giới như: Fujirebio, Toshiba, Tosoh, Conanics, Fukuda Denshi, ...

AMV triển khai các dự án đầu tư xây dựng bệnh viện, cung cấp trang thiết bị y tế trọn gói cho bệnh viện; các dự án cho thuê, đầu tư máy móc thiết bị theo mô hình xã hội hóa y tế với các sản phẩm công nghệ cao, hiện đại nhập khẩu từ Nhật Bản, Mỹ. Công ty cũng thực hiện các dự án đầu tư liên doanh, liên kết các trung tâm xét nghiệm tại các bệnh viện, trung tâm y tế theo mô hình xã hội hóa.

Triển vọng phát triển của ngành

Theo số liệu của Bộ Y tế, tổng vốn đầu tư thị trường thiết bị và vật tư y tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng mạnh. Tổng vốn đầu tư vào trang thiết bị y tế tại Việt Nam năm 2010 ước đạt 515 triệu USD, đến năm 2016 tổng vốn đầu tư là 950 triệu USD và đến năm 2017 con số này tăng lên 1,1 tỷ USD.

Thị trường thiết bị y tế Việt Nam là thị trường đang phát triển với rất nhiều tiềm năng: Việt Nam hầu như chưa sản xuất được trang thiết bị y tế cũng như các giải pháp chăm sóc sức khỏe công nghệ cao, mà hiện nhập khẩu tới hơn 90%. Thêm vào đó, đầu tư cho y tế từ ngân sách nhà nước lẫn tư nhân đang gia tăng nhanh.

Tăng trưởng mỗi năm trong vòng 5 năm qua của ngành thiết bị y tế còn rất khả quan trong tương lai. Tiềm năng này được đảm bảo bởi 3 yếu tố:

- Nhu cầu thiết bị hiện đại tăng: do già hóa dân số (từ 2019-2029 sẽ tăng thêm hơn 20 triệu người trong độ tuổi 60+), tầng lớp trung lưu và giàu có tăng (dự báo đạt 33 triệu người vào năm 2020), sự thiếu hụt trang thiết bị hiện đại tại các cơ sở y tế (70% bệnh viện không có máy chụp CT, 35% thiết bị đã sử dụng trên 20 và gần 40% sử dụng từ 10-20 năm) và mức chi tiêu cho y tế tại Việt Nam hiện nay đang còn thấp so với khu vực (tính trên đầu người mới chỉ 7 USD, thấp so với Thái Lan (12 USD), Malaysia (35 USD), Singapore (103 USD) và bình quân trên thế giới (50 USD)).

- Chính sách thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế: bao gồm huy động vốn đầu tư hàng nghìn tỷ đồng vào trang thiết bị y tế (theo Bộ Tài chính, đến hết năm 2016 cả nước có trên 5.914 dự án đầu tư vào lĩnh vực y tế (gồm các bệnh viện tư, các phòng khám đa khoa, các dự án liên doanh liên kết lắp đặt thiết bị), với tổng số vốn đăng ký hoạt động khoảng trên 37.000 tỷ đồng), tăng cường tuyến bệnh viện vệ tinh (đề án Bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013-2020) và khuyến khích phát triển y tế tư nhân (chính phủ đặt mục tiêu tăng số giường bệnh tư nhân lên 20% tổng số giường bệnh vào năm 2020).

- Bên cạnh đó còn có sự hỗ trợ từ quốc tế như: các thỏa thuận và hiệp định với EU (130 triệu đôla Mỹ cho giai đoạn 2 của chương trình (EU-HSPSP-2) nhằm nâng cao số lượng các cơ sở y tế và chất lượng dịch vụ), làn sóng các hãng thiết bị y tế lớn trên thế giới đầu tư vào Việt Nam (Terumo, Sonion, và United Healthcare đã chuyển nhà máy từ các nước khác về Việt Nam để tận dụng nguồn nhân công giá rẻ và các chính sách hỗ trợ từ phía Chính phủ)

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới,

Định hướng phát triển của công ty

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Chất lượng – Hiệu quả – Uy tín

- Chất lượng: Bao gồm chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và chất lượng trong các mối quan hệ.

- Hiệu quả: Hiệu quả trong sử dụng sản phẩm, trong sản xuất kinh doanh, trong công việc của mỗi cán bộ nhân viên, trong mối quan hệ với khách hàng, với đối tác và trong mối quan hệ giữa các phòng, ban trong công ty.

- Uy tín: Ổn định và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phấn đấu trở thành nhà sản xuất, phân phối lớn nhất, uy tín trong lĩnh vực dược và trang thiết bị y tế trên toàn quốc.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Phấn đấu trở thành nhà phân phối lớn, uy tín trong lĩnh vực dược và trang thiết bị y tế trên toàn quốc:

- Về thị trường: Củng cố và phát triển thị trường, đảm bảo khai thác thị trường một cách lâu dài và bền vững.

- Về tài chính: Đảm bảo nguồn tài chính luôn đủ mạnh để phục vụ các mục tiêu của AMV trong từng thời điểm cụ thể.

- Về nguồn nhân lực: Nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý, xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững

Hoạt động trong ngành thiết bị y tế nhằm mục tiêu vì sức khỏe của con người, vì thế Công ty rất quan tâm đến việc bảo vệ môi trường sống trong lành. Thực hiện tuyên truyền cho cán bộ nhân viên thực hiện giữ vệ sinh nơi làm việc, cùng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường của cộng đồng.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty đối với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với dự báo tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành Dược Việt Nam vào khoảng 11% trong giai đoạn từ 2020 – 2016 cho thấy tiềm năng phát triển của các công ty hoạt động trong lĩnh vực này là rất lớn. Hơn thế nữa tốc độ tăng trưởng của AMVI BIOTECH sẽ không chỉ dừng lại ở mức độ

tăng trưởng trung bình của ngành do AMVI BIOTECH có những lợi thế riêng trong lĩnh vực hoạt động của mình AMVI BIOTECH là công ty trong nước duy nhất sản xuất sinh phẩm chẩn đoán nhanh) ngoại trừ những rủi ro bất khả kháng.

Việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là việc đăng ký bổ sung các sản phẩm mới, phát triển hệ thống phân phối, xây dựng nhà máy mới, nghiên cứu sản xuất các loại sinh phẩm chẩn đoán định lượng, dung dịch tiệt trùng, ... là những sản phẩm có tiềm năng phát triển trong thời gian tới.

10.8. Hoạt động Marketing

Nhận thức được tầm quan trọng của chính sách marketing đối với chiến lược phát triển chung của Công ty, Công ty luôn chú trọng áp dụng các biện pháp marketing cụ thể phù hợp với điều kiện của Công ty và tình hình thị trường.

a. Chiến lược quảng bá thương hiệu

Do đặc tính sản phẩm của Công ty liên quan đến chăm sóc sức khỏe, y tế, các sản phẩm của Công ty đều là các sản phẩm tiên tiến, công nghệ cao nhằm đáp ứng nhu cầu chữa bệnh thiết yếu. Do đó, các đối tượng khách hàng Công ty hướng tới là các Bệnh viện tuyến TW, địa phương, các bệnh viện tư nhân, các chương trình quốc gia, các tổ chức phi chính phủ... Để tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả của hoạt động marketing, công tác quảng bá sản phẩm được Công ty thực hiện tập trung thông qua các hình thức Quảng bá sản phẩm, giới thiệu về Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Internet, trang web Công ty, báo ngành y tế. Bên cạnh đó Công ty còn tổ chức tài trợ cho các buổi hội thảo khoa học, tham gia triển lãm sản phẩm, tài trợ tại các Triển lãm thiết bị Y tế thường niên trong và ngoài nước bao gồm: mở các cuộc hội thảo riêng của Công ty, khai trương xe khám, tham gia Hội nghị Chẩn đoán hình ảnh của Bộ Y tế, tham gia triển lãm Y dược thường niên của Bộ Y tế,

b. Chiến lược phân phối

75% sản phẩm của Công ty được tiêu thụ qua kênh bán hàng trực tiếp thông qua đội ngũ kinh doanh dưới sự hỗ trợ của Ban Giám đốc Công ty. Đội ngũ kinh doanh của Công ty có trách nhiệm tiếp xúc trực tiếp với các khách hàng (Ban giám đốc Bệnh viện, các Trưởng phó khoa Bệnh viện, Giám đốc, P. Giám đốc Sở y tế, các Giám đốc, Trưởng phòng khám,...) để tìm hiểu nhu cầu, các kế hoạch mua sắm của khách hàng đồng thời quảng bá, giới thiệu các sản phẩm của Công ty. Do trang thiết bị y tế Công ty cung cấp thường có giá trị lớn, Công ty tiến hành chào bán sản phẩm của mình thông qua các hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh. Là đầu mối nhập khẩu của nhiều hãng Thiết bị y tế hàng đầu trên thế giới, các nhà phân phối thứ cấp sau khi trúng thầu cung cấp loại thiết bị do Công ty phân phối sẽ phải mua qua Công ty để bán cho khách hàng của họ với giá cao hơn giá mua trực tiếp từ Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng phân phối sản phẩm qua Công ty trung gian theo hình thức ủy quyền từng dự án, từng hợp đồng cụ thể. Kênh phân phối này của Công ty chiếm khoảng 25% giá trị sản phẩm tiêu thụ được.

c. Chiến lược giá

Việt Mỹ xác định giá bán dựa trên giá nhập khẩu cộng thêm chi phí phát sinh và lợi nhuận dự kiến. Công ty có chiến lược giá bán thấp hơn các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh với tính năng và chất lượng tương đương với lợi thế là đại lý độc quyền và là nhà phân phối đầu mối. Các sản phẩm của Công ty nhập khẩu luôn nhận được các ưu đãi về giá thanh toán. Với chi phí đầu vào thấp, Công ty có thể tận dụng ưu thế này để đưa ra giá cạnh tranh trong các đơn chào hàng của mình Ngoài ra, Công ty còn được hưởng lợi từ chiến lược đẩy mạnh xâm nhập thị trường Việt Nam của Nhà cung cấp.

Đối với vật tư tiêu hao, Công ty có chính sách chiết khấu giá bán 5-15 % cho những khách hàng mua thường xuyên và có giá trị lớn để đẩy mạnh tiêu thụ và duy trì được các khách hàng truyền thống.

d. Chiến lược sản phẩm

Công ty hướng đến việc cung cấp các sản phẩm của mình dưới hình thức các hệ thống đồng bộ và hoàn thiện cho việc khám chữa bệnh, xét nghiệm. Chiến lược sản phẩm này là lợi thế cạnh tranh của Công ty khi các đối thủ cạnh tranh thường chỉ cung cấp một hệ thống đơn lẻ, gây khó khăn trong việc vận hành, và tính tương thích về mặt dữ liệu giữa các hệ thống thiết bị chẩn đoán gây khó khăn cho người vận hành, xử lý thông tin.

Hệ thống sản phẩm thiết bị y tế của Công ty rất đa dạng về chủng loại sản phẩm và giá cả, có thể trang bị toàn diện cho cả một bệnh viện lớn, bệnh viện tư nhân hay các thiết bị đơn lẻ cho phòng khám nhỏ.

Với hệ thống các bệnh viện liên kết trên khắp cả nước, từ bệnh viện tuyến Trung ương cho đến tuyến huyện, máy móc thiết bị của Công ty có thể đầu tư quay vòng khi những máy mới, hiện đại sẽ được đầu tư tại các bệnh viện lớn, còn các máy đã qua sử dụng sau khi đã thu hồi vốn sẽ chuyển qua sử dụng tại các bệnh viện tuyến huyện, nơi các thiết bị chẩn đoán hình ảnh kỹ thuật cao gần như còn thiếu, lạc hậu và có nhu cầu rất lớn. Bên cạnh đó, AMV luôn xem những hoạt động chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV là một phần quan trọng trong kế hoạch phát triển bền vững của công ty. Điều đó khẳng định rõ nét thông qua nhiều chương trình thể thao văn hóa mà công ty tổ chức hàng năm cho nhân viên.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế



Amvi
Biotech Incorporation.

Hiện nay, Công ty đã đăng ký bản quyền logo và thương hiệu AMVI với Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam.

Tầm nhìn: AMV luôn phấn đấu trở thành nhà cung cấp hàng đầu Việt Nam và khu vực về lĩnh

vực máy móc, thiết bị y tế công nghệ cao.

Sứ mệnh: Nâng cao đời sống và sức khỏe cho người dân bằng cách phòng ngừa bệnh từ việc cung cấp các xét nghiệm chẩn đoán đáng tin cậy với chi phí hiệu quả nhất.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ giữa Công ty và các chuyên gia tại các trung tâm y tế, bệnh viện thông qua các đề tài nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc tổ chức các buổi hội thảo khoa học cũng được Công ty đặc biệt chú trọng.

Kinh doanh ngành thiết bị y tế đang là một lĩnh vực được rất nhiều các nhà đầu tư đang quan tâm. Nhu cầu các thiết bị y tế cao cấp và tiên tiến đang là như cầu vô cùng lớn của các cơ sở khám chữa bệnh. Chính vì, kinh doanh các thiết bị y tế ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người. Cho nên yêu cầu chất lượng sản phẩm AMV cung cấp cần phải đảm bảo chất lượng. Chất lượng và giá thành chính là 2 yếu tố đầu tiên quyết định sự cạnh tranh trên thị trường.

➤ Nghiên cứu thị trường - Chuẩn bị đầy đủ thủ tục pháp lí: Vì là ngành thiết bị y tế liên quan rất nhiều tới sức khỏe của những người bệnh, cho nên như chất lượng các thiết bị mà AMV cung cấp cần phải có chất lượng đảm bảo đã được qua kiểm chứng. Cùng với đó là những giấy tờ liên quan tới xuất xứ, mã sản phẩm, ngày sản xuất,... Ngoài ra, AMV còn chú trọng quan tâm tới việc đăng kí kiểm nghiệm chất lượng của các sản phẩm với bộ y tế.

➤ Tập trung nghiên cứu, mở rộng đa dạng hóa các sản phẩm trang thiết bị y tế, đặc biệt là trang thiết bị y tế công nghệ cao để đi trước đón đầu thị trường trong nước. Ứng dụng công nghệ y sinh trong nghiên cứu, sản xuất trang thiết bị y tế sử dụng trong phòng và điều trị bệnh, tạo nguyên vật liệu sinh học thay thế ứng dụng trong điều trị: công nghệ vật liệu y sinh, công nghệ vật liệu sinh học, công nghệ nano sinh học, công nghệ y sinh học

➤ Thực hiện quảng bá thương hiệu

➤ Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, trau dồi kiến thức về lĩnh vực y tế để có thể đảm bảo việc tư vấn và hỗ trợ khách hàng chính xác.

➤ Đầu tư tài chính: Huy động nguồn tài chính hợp lý để đầu tư/hợp tác triển khai công nghệ mới, mạnh dạn đầu tư đối với tổ chức, cá nhân có ý tưởng nghiên cứu tiềm năng.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty

Hệ thống quản lý chất lượng Công ty yêu cầu đối với các sản phẩm của mình Các sản phẩm của Công ty đều được tuân thủ chặt chẽ, nghiêm ngặt về các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định Quốc tế và cả Việt Nam bao gồm:

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 hay ISO 9001 là một trong những bộ tiêu chuẩn ISO 9000. Hệ thống này đặt ra những yêu cầu mà khi một tổ chức thiết kế, phát triển, sản xuất, lắp đặt hay phục vụ cho bất kỳ một sản phẩm nào hoặc cung cấp bất kỳ kiểu dịch vụ nào muốn áp dụng để nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ của mình...Các nhà sản xuất thiết bị y tế cung cấp cho Việt Mỹ đều có các chứng chỉ này cho các sản phẩm của mình.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 14001 hay ISO 14001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường (EMS), hiện nay EMS được sử dụng một cách rộng rãi nhất trên thế giới. ISO14001 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý chính được định rõ các yêu cầu cho việc hình thành và duy trì hệ thống EMS. Có 3 cam kết cơ bản được yêu cầu trong chính sách môi trường đáp ứng các yêu cầu của ISO 14001. Những cam kết này bao gồm:

- ✓ Ngăn ngừa ô nhiễm
- ✓ Phù hợp với pháp luật
- ✓ Cải tiến liên tục hệ thống EMS

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485: được dựa trên cách tiếp cận quá trình của ISO 9001:2008 và là một hệ thống quản lý được phát triển riêng biệt cho hệ thống của thiết bị y tế. Mục đích chính của tiêu chuẩn này để thích hợp với những yêu cầu pháp định. Tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu cụ thể cho sản xuất, lắp đặt và dịch vụ và sự cần thiết cho: Việc áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng với những nâng cao Quản lý rủi ro tiếp cận với việc phát triển sản phẩm và tạo sản phẩm Phù hợp với các yêu cầu và quy định pháp lý.

Hệ thống thu hồi và nguồn gốc sản phẩm có hiệu quả ISO 13485 bao gồm các yêu cầu cần thiết cho hoạt động của bất kỳ tổ chức nào tại bất cứ phần nào của thiết bị y tế và chuỗi cung ứng dược phẩm. Tiêu chuẩn này liên quan đặc biệt đến các nhà sản xuất mong muốn chứng minh các yêu cầu pháp lý áp dụng và bởi tổ chức có các dịch vụ hỗ trợ các nhà sản xuất thiết bị y tế.

Tiêu chuẩn CE: CE Marking (đôi khi còn được gọi là CE Mark) là nhãn hàng bắt buộc cho đa số hàng hoá (khoảng 70%) được bán trên thị trường Liên minh Châu Âu, đồng thời nó cũng được coi như "Giấy thông hành thương mại đến Châu Âu" cho các sản phẩm không phải do EU sản xuất. 23 nhóm mặt hàng có thể cần đến CE Marking, trong đó có 3 nhóm hàng thiết bị y tế là Thiết bị y tế nói chung, Thiết bị y tế có thể cấy ghép động, Thiết bị y tế chẩn đoán ống nghiệm. Các mặt hàng Công ty nhập khẩu từ các nhà sản xuất Châu Âu và đáp ứng được tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn FDA: là tiêu chuẩn do cơ quan quản lý dược phẩm và thực phẩm Mỹ cấp cho các nhà sản xuất các thiết bị y tế, vật tư y tế. Hiện nay, các mặt hàng Công ty nhập từ các nhà sản xuất Hoa Kỳ đều có các chứng chỉ tiêu chuẩn chất lượng này.

Chứng nhận CO: Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ do Phòng Thương mại của nước xuất khẩu cấp. Tất cả các sản phẩm nhập khẩu của Công ty đều có chứng nhận này.

Chứng nhận CQ: Chứng nhận chất lượng do Nhà sản xuất cung cấp. Tất cả các sản phẩm nhập khẩu của Công ty đều có chứng nhận này.

Ngoài những chứng chỉ, tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật được áp dụng trên toàn thế giới, một số sản phẩm của Công ty sau khi nhập khẩu về Việt Nam, còn được áp dụng theo tiêu chuẩn trong nước như Máy CT- Scanner, X- quang được Viện Trang thiết bị và Công trình y tế cấp phép về An toàn bức xạ.

Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Duy trì sự tăng trưởng nhanh, ổn định và bền vững bằng việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp tiên tiến, đặc trưng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực gắn với hiệu quả kinh doanh, lấy năng suất và chất lượng công việc làm thước đo đánh giá kết quả hoạt động;
- Áp dụng các công nghệ mới, khuyến khích việc sáng tạo và đổi mới trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Mở rộng và tăng cường hợp tác đối với các đơn vị trong nước và quốc tế để cùng nhau nắm bắt cơ hội, cùng phát triển;
- Đoàn kết và hợp tác tích cực giữa các đơn vị thành viên để phát huy sức mạnh tập thể và nâng cao năng suất hoạt động của các thành viên.

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến: Để thực hiện các chiến lược kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện huy động nguồn vốn từ việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, vay vốn các tổ chức tín dụng, các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác. Tùy vào tình hình thực tế tại từng thời điểm, Công ty có thể cân nhắc tuyển dụng thêm nhân sự vào các vị trí công việc phù hợp.

Kế hoạch kinh doanh:

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty trên cả ba miền Bắc – Trung – Nam;
- Tập trung triển khai các dự án đang triển khai, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch đã đề ra;
- Tiếp tục đầu tư, mở rộng các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư vào các dự án mới sắp triển khai;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên trong Công ty, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn, cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Quản lý tốt chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
- Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của AMV. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty

Việc kiểm tra chất lượng các sản phẩm đáp ứng theo các tiêu chuẩn của Nhà cung cấp và theo quy định trong hợp đồng được thực hiện bởi bộ phận kinh doanh và kỹ thuật của Công ty trước khi sản phẩm được giao và lắp đặt đến cho khách hàng. Sản phẩm của Công ty được nhập trực tiếp từ chính hãng nên chất lượng sản phẩm luôn đáp ứng yêu cầu, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty đều được thực hiện chính xác, thuận lợi và đầy đủ, đảm bảo lợi ích tốt nhất của khách hàng. Bên cạnh đó, bộ phận kỹ thuật, kỹ sư của Công ty được đào tạo bài bản từ chính các nhà cung cấp, có khả năng sửa chữa thay thế và ứng phó các sự cố của thiết bị trong quá trình vận hành. Các sản phẩm do Công ty cung cấp đều được hưởng chế độ bảo hành bảo trì, thay thế linh kiện từ chính hãng, với chi phí phát sinh thấp.

11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Bảng 16. Cơ cấu lao động ngày 31/12/2021

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học	60	82%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	13	18%
3	Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	0	0%
Tổng số		73	100

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2021: 73 người
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 9.100.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Với tiêu chí lấy người lao động làm nền tảng và động lực cho sự phát triển của Công ty, AMV luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng đầu vào, đảm bảo đủ năng lực và trình độ phục vụ cho định hướng phát triển của Công ty. Với đặc thù ngành đòi hỏi lao động có trình độ cao, Công ty chủ trương đưa ra mức lương cạnh tranh nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng, có thâm niên và kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

- Đầu tư và phát triển con người là một trong những yếu tố cốt lõi của Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ với các nội dung thiết thực nhằm ứng dụng tốt trong công việc. Ngoài ra, Công ty còn có những khóa đào tạo nâng cao trong và ngoài nước giúp cán bộ nhân viên có thể tiếp tục phát triển về nghiệp vụ và kỹ năng.

- Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

- Người lao động trong công ty tùy theo tính chất công việc được trang bị đầy đủ các thiết bị, vật dụng cần thiết để phục vụ cho công việc. Cán bộ công tác tại các bệnh viện đều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng chủng loại theo quy định.

- Công ty thực thi chính sách tiền lương cạnh tranh, đãi ngộ tương xứng với sự đóng góp của từng cán bộ nhân viên và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của công ty.

- Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp sự nghiệp.

12. Chính sách cổ tức

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty;

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;

Bảng 17. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua	Hình thức
2019 (đã chi trả)	- Trả bằng cổ phiếu: 40% - Trả bằng tiền 20%	Cổ phiếu và bằng tiền
2020 (ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua)	Không chi trả cổ tức	Không

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 531.468.160.000 đồng lên 911.088.610.000 đồng:

Công ty thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ theo:

- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2020/AMV/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn;

- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01.2109/NQ-HĐQT ngày 21/09/2020;

- Nghị quyết số 18.11/2020/NQ-HĐQT ngày 18/11/2020 đã thông qua điều chỉnh phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/AMV/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01.2109/NQ-HĐQT ngày 21/09/2020;

- Công văn số 7544/UBCK-QLCB ngày 25/12/2020 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ;

- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 số 02/2021/AMV/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2021 và Nghị quyết HĐQT số 2406/2021/NQHĐQT/AMV ngày 24/06/2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ đã thông qua thay đổi điều chỉnh phương án sử dụng vốn phát hành thêm riêng lẻ, chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Thời gian dự kiến sử dụng tiền từ đợt chào bán
I	Mục đích sử dụng vốn ban đầu	379.620.450.000	
1	Hợp tác đầu tư dự án xây dựng hệ thống lò đốt rác áp suất âm công nghệ Nhật Bản tại Nhà máy Xử lý rác thải Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	320.000.000.000	Quý IV/2020, Năm 2021
2	Máy móc, thiết bị vật tư y tế	54.620.450.000	Quý IV năm 2020, Năm 2021

3	Vật tư tiêu hao	5.000.000.000	Quý IV năm 2020, Năm 2021
II	Mục đích sử dụng vốn điều chỉnh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/AMV/NQ-ĐHĐCĐ	379.620.450.000	
1	Đầu tư, liên doanh liên kết các hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh trong y khoa (hệ thống PACS) với các bệnh viện	195.000.000.000	Quý III/Quý IV năm 2021
2	Đầu tư, góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết	125.000.000.000	Quý III/Quý IV năm 2021
3	Máy móc, thiết bị vật tư y tế	54.620.450.000	Năm 2021
4	Vật tư tiêu hao	5.000.000.000	Năm 2021

• Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 0108/2021/BCV-KTV/HN về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 531.468.160.000 đồng lên 911.088.610.000 đồng của Công ty CP sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ. Tổng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành là 379.620.450.000 đồng, tình hình sử dụng vốn đã được ghi nhận như sau:

Nội dung	Giá trị (VND)
- Đầu tư, liên doanh liên kết các hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh trong y khoa (Hệ thống PACS) với các bệnh viện	195.000.000.000
- Đầu tư, góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết	125.000.000.000
- Máy móc, thiết bị vật tư y tế	54.620.450.000
- Vật tư tiêu hao	5.000.000.000
Cộng	379.620.450.000

Đối với khoản vốn sử dụng vào mục đích Đầu tư liên doanh, liên kết các hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh trong y khoa (Picture Archiving and Communication System -PACS) với các Bệnh viện: Công ty CP sản xuất kinh doanh Dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ đã thực hiện mua các thiết bị y tế là 30 bộ phần mềm (Mỗi bộ bao gồm: 01 phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế Mach 7; 01 phần mềm xử lý chẩn đoán hình ảnh y tế Alma), công ty đã ký kết hợp đồng và thanh toán đủ 195 tỷ đồng cho các nhà cung cấp theo đúng mục đích sử dụng vốn. Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Hợp đồng	Giá trị hợp đồng đã thanh toán	Ngày thanh toán	Ngày nhận hàng
1	Mua 20 phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng (xử lý, chỉnh sửa hình ảnh) Alma. Version :Icloud	Số 0207/2021/HĐKT/CNC -AMV ngày 02/07/2021	49.960.264.000	14/07/2021	20/07/2021
2	Mua 10 phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh Mach 7. Version: Icloud/500	Số 0307/2021/HĐKT/LOU -AMV ngày 03/07/2021	40.018.712.000	14/07/2021	22/07/2021
3	Mua 10 phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh Mach 7. Version: Icloud/500 và 5 phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng Alma. Version :Icloud	Số 0507/2021/HĐKT/YHN -AMV ngày 05/07/2021	52.510.512.000	14/07/2021	22/07/2021
4	Mua 10 phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh Mach 7. Version: Icloud/500 và 5 phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng Alma. Version :Icloud	Số 0607/2021/HĐKT/AMV -KANPEKI ngày 06/07/2021	52.510.512.000	14/07/2021	20/07/2021
	Tổng cộng		195.000.000.000		

Về việc triển khai ký các thỏa thuận hợp tác với các bệnh viện:

Theo chủ trương triển khai thực hiện hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh PACS trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hòa Bình, AMV đã tiến hành tiếp cận với toàn bộ 42 Bệnh Viện/Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hòa Bình. Giai đoạn 1, công ty đang thực hiện mua hệ thống phần cứng, phần mềm để triển khai tại 30 Bệnh Viện trên địa bàn 2 tỉnh. Tính đến ngày 09/03/2022, AMV ký các hợp đồng lắp đặt sử dụng thử nghiệm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh RIS-PACS và từng bước triển khai lắp đặt phần cứng, cài đặt phần mềm và chuyển giao Hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh, phần mềm chẩn đoán, xử lý hình ảnh cho 10 Bệnh Viện Bệnh Viện/Trung tâm y tế. Bao gồm:

Danh sách các hợp đồng lắp đặt sử dụng thử nghiệm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh RIS-PACS

TT	Hợp đồng	BỆNH VIỆN	NỘI DUNG HÀNG HÓA CUNG CẤP	TÌNH TRẠNG CÀI ĐẶT , BÀN GIAO
1	Số 02/AMV ký ngày 07/07/2021	Trung tâm y tế huyện Yên Thủy	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 02/AMV) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đang bàn giao Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022
2	Số 2021/HĐ-AMV-DC	Bệnh viện đa khoa	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm:	

TT	Hợp đồng	BỆNH VIỆN	NỘI DUNG HÀNG HÓA CUNG CẤP	TÌNH TRẠNG CÀI ĐẶT , BÀN GIAO
	ký ngày 04/06/2021	Diễn Châu	Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 2021/HD-AMV-DC) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đang bàn giao Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022
3	Số 2021/HD-AMV-NĐ ký ngày 25/05/2021	Trung tâm y tế Nam Đàn	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 2021/HD-AMV-NĐ) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đang bàn giao Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022
4	Số 2021/HD-AMV-ĐL ký ngày 19/05/2021	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 2021/HD-AMV-ĐL) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đang bàn giao Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022
5	Số 2021/HD-AMV-PNA ký ngày 08/06/2021	Bệnh viện Phổi Nghệ An	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 2021/HD-AMV-PNA) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đã bàn giao Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022
6	Số 2021/HD-AMV-NL ký ngày 13/05/2021	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 2021/HD-AMV-NL) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đã bàn giao Đã bàn giao và hướng dẫn sử dụng Đã bàn giao và hướng dẫn sử dụng Đã bàn giao và hướng dẫn sử dụng
7	Số 01/AMV-TTYTTL ký ngày 06/07/2021	Trung tâm y tế huyện Tân Lạc	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 01/AMV-TTYTTL) Các bản quyền cho hệ điều hành	Đã bàn giao Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022

TT	Hợp đồng	BỆNH VIỆN	NỘI DUNG HÀNG HÓA CUNG CẤP	TÌNH TRẠNG CÀI ĐẶT, BÀN GIAO
			Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022
8	Số 2021/AMV-TTYTHB ký ngày 05/07/2021	Trung tâm y tế thành phố Hoà Bình	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 2021/AMV-TTYTHB) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đã bàn giao Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022 Đang thực hiện cài đặt, dự kiến bàn giao trong quý 2/2022
9	Số 2021/AMV-ĐKHB ký ngày 13/07/2021	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hoà Bình	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 2021/AMV-ĐKHB) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đã bàn giao Đang hoàn thiện cài đặt Đang hoàn thiện cài đặt Đang hoàn thiện cài đặt
10	Số 2021/AMV-TTYTKB ký ngày 12/07/2021	Trung tâm y tế huyện Kim Bôi	Hệ thống lưu trữ và Truyền tải Hình ảnh y tế (PACS) Bao gồm: Phần cứng (Thông số chi tiết tại hợp đồng số 2021/AMV-ĐKHB) Các bản quyền cho hệ điều hành Bản quyền cho phần mềm Lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế - Pacs Bản quyền phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng	Đang triển khai, dự kiến hoàn thiện quý 2/2022

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục xúc tiến triển khai với các Bệnh Viện còn lại trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hòa Bình.

Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh covid - 19 diễn biến phức tạp trên cả nước, nên việc triển khai các hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh PACS tại các cơ sở y tế hầu như bị gián đoạn và phải tạm dừng để các bệnh viện tập trung mọi nguồn lực trong công tác phòng chống dịch; do đó kế hoạch của triển khai lắp đặt, chuyển giao Hệ thống phần nào bị ảnh hưởng. Nếu tình hình dịch bệnh được kiểm soát trong thời gian tới, công ty dự kiến sẽ hoàn thiện việc cài đặt và đưa các hệ thống vào sử dụng trong quý 2 và quý 3 năm 2022, và đưa vào khai thác có thu phí sau khi Bộ y tế hoàn thiện hành lang pháp lý cho dịch vụ sử dụng hệ thống PACS thay thế in phim. (Bộ y tế đã ban hành thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 về việc ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đưa ra các điều kiện về kỹ thuật của Hệ thống PACS và thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 quy định về hồ sơ bệnh án điện tử, qui định về điều kiện được thực hiện không in phim. Theo lộ trình của Bộ y tế từ năm 2019 đến năm 2023 các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hạng I trở lên chủ động nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin tại cơ sở để triển khai hồ sơ bệnh án điện tử theo quy định tại Thông tư 46/2018/TT-BYT. Theo đó Bộ y tế sẽ hoàn thiện hướng dẫn bảng giá thu tiền cho dịch vụ Pacs tại các cơ sở y tế. Thời gian dự kiến có doanh thu bắt đầu từ năm 2022, muộn nhất là 2023.)

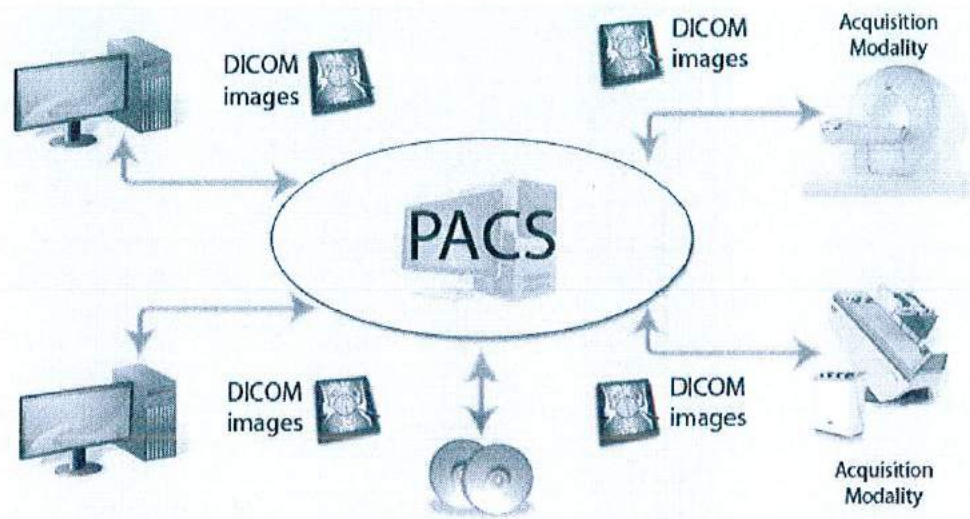
Lợi ích thu được từ việc đầu tư các hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh trong y khoa:

Từ nhiều năm nay, các nước tiên tiến như Đức, Pháp, Úc, Mỹ... đã chuyển từ việc sử dụng kỹ thuật chụp phim hình ảnh (in phim) sang số hóa, lưu trữ bằng phần mềm và áp dụng công nghệ số thông tin truyền tải và lưu trữ dữ liệu hình ảnh này để sử dụng vào việc chẩn đoán hình ảnh trên phạm vi rộng lớn, nhờ vậy hội chẩn đã không còn bó hẹp ở quy mô bệnh viện mà có thể liên kết hợp tác được nhiều bệnh viện trong nước cũng như quốc tế.

Trong thời gian qua, Bộ Y tế Việt Nam đã thử nghiệm chẩn đoán hình ảnh từ xa qua hệ thống PACS của tại một số bệnh viện. Với mục tiêu đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, Bộ Y tế tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện; xây dựng các cơ chế tài chính phù hợp cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong y tế; xây dựng các chuẩn ngành, chuẩn bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, y bạ điện tử (EHR, EMR, PHR) và ứng dụng rộng khắp tại các cơ sở y tế trên cả nước.

Xây dựng hệ thống lưu trữ, xử lý và truyền tải hình ảnh y khoa (PACS) nhằm đảm bảo dữ liệu, thông tin về tình trạng người bệnh được ghi trong hồ sơ y tế, có thể trao đổi và lưu trữ các thông tin phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe là một vấn đề đang được ngành y tế quan tâm trong lĩnh vực quản lý ứng dụng công nghệ thông tin. Người bệnh và cán bộ y tế khi được phân quyền sử dụng có thể truy cập vào hồ sơ y tế bất kỳ lúc nào, bất cứ ở đâu. Việc triển khai mô hình quản lý bệnh viện tiên tiến ở các bệnh viện nhằm khai thác tối đa nguồn lực y tế hiện có, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh phù hợp, dễ dàng mở rộng quy mô hoạt động, duy trì chất lượng dịch vụ đồng đều, hướng đến hoàn thiện việc liên thông, kết nối phần mềm quản lý bệnh viện với thanh toán bảo hiểm y tế, giám định bảo hiểm y tế.

Các chi phí hàng năm ước tính để chi phí cho việc thực hiện in phim trên cả nước là khoảng 3000 tỷ đồng, khi thực hiện chuyển đổi sang số hóa (không in phim) bằng việc sử dụng hệ thống PACS thì các chi phí này sẽ được chuyển đổi sang thanh toán cho các công ty cung ứng các giải pháp hệ thống lưu trữ truyền tải hình ảnh y tế Pacs tại các cơ sở y tế. Với chiến lược đầu tư Hệ thống PACS cho các Bệnh viện thuê, giá thuê dựa trên chi phí mua phim cho phép Bệnh viện không phát sinh thêm chi phí khi sử dụng hệ thống PACS, đảm bảo được sử dụng thiết bị công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân. Công ty cũng hy vọng với chiến lược này sẽ chiếm được ít nhất 30% thị phần về mảng này.



Việc sử dụng hệ thống Pacs-hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế mang lại các lợi ích nhất định cho bệnh viện như: Bệnh viện không còn phải tiêu tốn các chi phí liên quan tới phòng rửa phim, khu vực xử lý phim, phòng chứa phim, phim, vật liệu liên quan tới phim; Bảo vệ môi trường; Toàn bộ người sử dụng trong bệnh viện sẽ được hưởng lợi ích mà hệ thống mang lại; Tất cả các công việc liên quan đều được số hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết kiệm thời gian và chi phí, việc quản lý dữ liệu tập trung hay chẩn đoán bệnh từ xa được thực hiện đồng bộ.

Việc triển khai rộng rãi hệ thống PACS cũng sẽ mang lại doanh thu/lợi nhuận đáng kể cho Công ty trong thời gian tới. Hệ thống sau khi lắp đặt chuyển giao sẽ bắt đầu phân bổ chi phí, trích khấu hao, thời gian phân bổ chi phí dự kiến là 10 năm. Tính bình quân 1 Bệnh viện hàng năm sẽ sử dụng khoảng 85.000 phim để chẩn đoán hình ảnh y tế tương đương mất chi phí cho việc thực hiện in phim khoảng 2.166.000.000 đồng/năm, do đó Hệ thống PACS khi đi vào hoạt động ổn định thay thế hoàn toàn việc sử dụng phim dự kiến sẽ mang lại Doanh thu khoảng 1.950.000.000 đồng/năm (dự kiến bằng 90% chi phí in phim), Lợi nhuận đem lại cho AMV khoảng 955.361.833 đồng/ Năm. Theo đó, với 30 hệ thống PACS được đưa vào khai thác dự kiến sẽ đóng góp Tổng doanh thu dự kiến khoảng 58.500.000.000 đồng/ năm, Lợi nhuận dự kiến khoảng 28.660.855.002 đồng/năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của AMV. Thời gian thu hồi vốn đầu tư hệ thống PACS dự kiến trung bình là khoảng 4 năm kể từ khi Hệ thống PACS khi đi vào hoạt động ổn định thay thế hoàn toàn việc sử dụng phim.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 18. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	Thay đổi năm 2020 so với năm 2019 (%)	Năm 2021 (đồng)
Tổng giá trị tài sản	501.113.658.338	686.230.495.059	37%	1.197.019.791.858
Doanh thu thuần	44.771.703.620	25.534.909.033	-43%	48.606.864.096
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	120.836.635.448	227.732.122.567	88%	132.513.981.309
Lợi nhuận khác	76.562.939	9.920.197.292	12857%	(439.916.166)
Lợi nhuận trước thuế	120.913.198.387	237.652.319.859	97%	132.074.065.143
Lợi nhuận sau thuế	120.711.955.728	237.503.825.092	97%	131.332.792.418
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

- Theo Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2019 và 2020, lợi nhuận sau thuế của Công ty chủ yếu đến từ Doanh thu hoạt động tài chính (Doanh thu lớn trong khi chi phí tài chính rất thấp), trong đó tỷ trọng lớn là từ cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con: Trong các năm 2019, 2020 Công ty mẹ đang trong quá trình triển khai các hoạt động hợp tác, đầu tư. Hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra chủ yếu ở các công ty con nên phần lớn lợi nhuận sau thuế của Công ty trên Báo cáo tài chính

riêng năm 2019, 2020 đến từ hoạt động tài chính mà tỷ trọng lớn là từ cổ tức, lợi nhuận được chia từ các Công ty con; Cơ cấu nguồn vốn để thực hiện đầu tư vào các công ty con nói riêng là của toàn Công ty nói chung chủ yếu là từ vốn chủ sở hữu, tỷ lệ vốn vay rất thấp dẫn đến chi phí tài chính trên Báo cáo tài chính năm 2019, năm 2020 rất thấp.

- Theo thuyết minh BCTC kiểm toán công ty mẹ năm 2020, tiền cổ tức AMV nhận được trong năm 2021 từ các công ty con: CTCP Trung tâm xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ và CTCP SXKD Dược và Trang thiết bị y tế Phú Thọ tăng đột biến so với năm 2020 (từ 4 tỷ đồng lên 111 tỷ đồng và từ 16,6 tỷ đồng lên 118,5 tỷ đồng): Tiền cổ tức AMV nhận được trong năm 2020 của các Công ty con tăng so với năm 2019 là do:

+ Đối với Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và Môi Trường Cần Thơ: Tiền cổ tức tăng từ 4 tỷ đồng lên 111 tỷ đồng là do:

- ✓ Năm 2019 Công ty Môi trường cần thơ mới tạm chia 1 phần cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 (tỷ lệ chia là 8%). Sang 2020, Công ty nhận được 37,8 tỷ đồng cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 (tỷ lệ chia 77%).
- ✓ Đồng thời, năm 2019 lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và Môi Trường Cần Thơ đạt 112,3 tỷ đồng trong khi lợi nhuận năm 2018 là 49,8 tỷ đồng (gấp hơn 2 lần so với năm 2018) và năm 2020 Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với tỷ lệ 79%.

Dẫn đến tiền cổ tức nhận được trong năm 2020 có sự tăng đột biến so với năm 2019.

+ Đối với Công ty CP SXKD Dược và TTB YT Phú Thọ: Tiền cổ tức tăng từ 16,6 tỷ đồng lên 118,5 tỷ đồng là do:

- ✓ Năm 2019 Công ty TTB YT Phú Thọ mới tạm chia 1 phần cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 (tỷ lệ chia 27%). Năm 2020 AMV nhận được 46 tỷ đồng tiền cổ tức chia từ lợi nhuận năm 2018 (tương ứng tỷ lệ 53%).
- ✓ Đồng thời, năm 2020 AMV nhận được 72,5 tỷ đồng cổ tức từ lợi nhuận năm 2019, dẫn đến tiền cổ tức nhận được trong năm 2020 có sự tăng đột biến so với năm 2019.

Bảng 19. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	Thay đổi năm 2020 so với năm 2019 (%)	Năm 2021 (đồng)
Tổng giá trị tài sản	871.979.264.714	920.462.290.911	6%	1.533.327.949.375
Doanh thu thuần	487.382.443.636	161.982.427.153	-67%	223.842.794.648

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	224.685.793.352	64.431.948.199	-71%	82.460.502.233
Lợi nhuận khác	(10.060.564)	22.688.639.949	-	(852.417.436)
Lợi nhuận trước thuế	224.675.732.788	87.120.588.148	-61%	81.608.084.797
Lợi nhuận sau thuế	224.344.936.184	86.712.140.024	-61%	81.608.084.797
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	219.842.453.405	84.619.820.715	-62%	82.239.752.777
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	103,6%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	60%	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

Thuận lợi

- Mặc dù trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn do virus Covid-19 cùng với chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, tuy nhiên Việt Nam đang kiểm soát tốt dịch bệnh do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được dự báo trong ngắn hạn vẫn tăng trưởng, còn về dài hạn được đánh giá là ổn định ở mức khá cao, vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội năm sau cao hơn năm trước tạo điều kiện ổn định trong nước cho việc sản xuất.

- Hoạt động trong ngành thiết bị y tế nhằm mục tiêu vì sức khỏe của con người cùng với Thu nhập ngày càng tăng của người dân dẫn đến nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh tăng lên trong những năm qua đã có tác động khá tích cực đến hoạt động kinh doanh của các công ty ngành dược, y tế.

- Do mặt hàng của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ Nhật, Mỹ nên sản phẩm do Công ty cung cấp luôn đảm bảo được chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe. Đội ngũ kỹ thuật viên được

đào tạo cơ bản, vững tay nghề, cán bộ quản lý có chuyên môn giúp cho các sản phẩm của Công ty bước đầu xâm nhập thị trường khá thuận lợi và được khách hàng đánh giá cao về chất lượng.

Khó khăn

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới đặc biệt là trong tình hình căng thẳng của chiến tranh thương mại do Công ty có hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thương mại, hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của AMV là kinh doanh dược và trang thiết bị y tế có quan hệ với các đối tác nước ngoài. Vì vậy, giống như tất cả các doanh nghiệp có kinh doanh với đối tác nước ngoài khác, việc biến động của tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của AMV.

Do liên quan đến mạng y tế, công ty cũng chịu rủi ro liên quan đến sức khỏe và tính mạng con người. Do đó, vấn đề chất lượng sản phẩm của Công ty luôn được đặt lên hàng đầu, do các thiết bị cung cấp đều do các hãng hàng đầu trên thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về thiết bị y tế phục vụ con người của các quốc gia. Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới. Đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan sẽ thu hút sự tham gia các Công ty hoạt động trong lĩnh vực dược từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Từ đó, môi trường kinh doanh sẽ cạnh tranh khốc liệt hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất dược trong nước về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm.

- Từ đầu năm 2020 cho đến nay, Thế Giới cũng như Việt Nam đã phải chịu ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh covid-19, đại dịch covid-19 gây ảnh hưởng lớn tới tình hình kinh tế cũng như hoạt động thương mại quốc tế, cũng như trong nước, điều này cũng phần nào làm ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và AMV nói riêng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

a. Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 20. Vốn điều lệ qua các năm

Đơn vị: Đồng

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)
2007	21.000.000.000

2011	21.157.500.000
2017	271.157.500.000
2019	379.620.450.000
Tháng 1/2021	531.468.160.000
Tháng 3/2021	911.088.610.000

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Nguồn vốn chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần của Công ty qua các năm từ 2019 đến nay có xu hướng gia tăng. Chi tiết nguồn vốn kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 21. Tình hình vốn kinh doanh công ty mẹ qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	379.620.450.000	379.620.450.000	911.088.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	(65.000.000)	(65.000.000)	(175.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68.274.753.011	251.547.078.103	187.921.123.820
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-
Tổng cộng	447.830.203.011	631.102.528.103	1.098.834.733.820

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

Bảng 22. Tình hình vốn kinh doanh Hợp nhất qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	379.620.450.000	379.620.450.000	911.088.610.000

Thặng dư vốn cổ phần	(65.000.000)	(65.000.000)	(175.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	355.744.403.183	386.379.292.668	242.124.250.060
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	56.293.643.580	53.263.761.695	64.489.993.859
Tổng cộng	791.593.496.763	819.198.504.363	1.217.527.853.919

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá từ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25/04/2014. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 23. Thời gian khấu hao của TSCĐ hữu hình

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật dụng kiến trúc	06-45
Máy móc, thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải	08-10
Thiết bị văn phòng	03-08

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình của Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao

Phần mềm tự động hóa, phần mềm quản lý các xưởng và bản quyền, bằng sáng chế khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

2.1.3. Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân của công ty trong năm 2020 là 9.100.000 đồng/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là ở tốt

2.1.4. Tình hình công nợ

Nợ phải thu

Bảng 24. Các khoản nợ phải thu Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Phải thu ngắn hạn	51.920.936.565	229.568.692.502	68.988.607.306
Phải thu từ khách hàng	4.085.259.305	31.120.579.070	6.613.201.930
Trả trước cho người bán	496.966.136	137.626.108.388	41.747.544.242
Phải thu ngắn hạn khác	47.338.711.124	60.822.005.044	20.627.861.134
Phải thu dài hạn	83.000.000.000	83.000.852.750	0
Tổng	134.920.936.565	312.569.545.252	68.988.607.306

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

Bảng 25. Các khoản nợ phải thu Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Phải thu ngắn hạn	113.745.508.384	281.227.709.102	660.673.197.927
Phải thu từ khách hàng	42.378.918.226	84.738.117.982	109.245.482.862
Trả trước cho người bán	23.778.061.516	145.442.808.181	527.366.065.782

Phải thu ngắn hạn khác	47.588.528.642	54.101.176.439	24.061.649.283
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(3.054.393.500)	-
Phải thu dài hạn	365.000.000.000	218.473.099.376	103.375.600.000
Tổng	478.745.508.384	499.700.808.478	764.048.797.927

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV năm 2021)

Nợ phải trả

Bảng 26. Các khoản nợ phải trả Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	36.911.014.089	66.297.224.977	108.454.153.466
Phải trả người bán ngắn hạn	14.256.359.819	24.099.204.759	6.183.403.323
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	691.577.405	4.752.722.300	30.076.145
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.116.214.827	2.957.974.557	53.335.447
Phải trả người lao động	342.938.385	1.001.461.754	630.647.618
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.075.169.468	316.179.017	966.219.515
Phải trả ngắn hạn khác	1.612.678.185	6.547.285.750	75.949.814.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.816.076.000	26.622.396.840	24.640.657.418
Nợ dài hạn	43.474.753.862	34.966.561.571	24.505.770.756
Phải trả dài hạn khác	7.843.787.167	7.843.787.167	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35.565.859.900	27.122.774.404	24.505.770.756
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	65.106.795	-	-
Tổng	80.385.767.951	101.263.786.548	132.959.924.222

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV/2021)

Bảng 27. Các khoản nợ phải trả Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	36.911.014.089	66.297.224.977	150.113.573.616
Phải trả người bán ngắn hạn	14.256.359.819	24.099.204.759	38.304.136.625
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	691.577.405	4.752.722.300	90.076.145
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.116.214.827	2.957.974.557	237.043.408
Phải trả người lao động	342.938.385	1.001.461.754	1.751.173.164
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.075.169.468	316.179.017	8.323.265.037
Phải trả ngắn hạn khác	1.612.678.185	6.547.285.750	76.767.221.819
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.816.076.000	26.622.396.840	24.640.657.418
Nợ dài hạn	43.474.753.862	34.966.561.571	165.686.521.840
Phải trả dài hạn khác	7.843.787.167	7.843.787.167	7.843.787.167
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35.565.859.900	27.122.774.404	157.842.734.673
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	65.106.795	-	-
Tổng	80.385.767.951	101.263.786.548	315.800.095.456

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV/2021)

2.1.5. Tình hình thanh toán các khoản nợ

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính đến thời điểm 31/12/2020 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, thực hiện nộp đúng và đủ các loại thuế.

Bảng 28. Các khoản phải nộp theo luật định Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	148.494.767	-

Thuế thu nhập cá nhân	8.399.809	11.607.660	53.335.447
Các loại thuế khác	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng	8.399.809	160.102.427	53.335.447

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV/2021)

Bảng 29. Các khoản phải nộp theo luật định Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.006.461.827	2.439.735.882	1.570.795
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	487.286.130	112.000
Thuế thu nhập cá nhân	18.205.632	30.952.545	235.360.613
Các loại thuế khác	91.547.368	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng	4.116.214.827	2.957.974.557	237.043.408

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV/2021)

2.1.7. Trích lập các quỹ theo luật định:

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ. Trong các năm qua, Công ty tập trung bổ sung nguồn lực đầu tư phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.1.8. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Tháng 03/2021, Công ty đã phát hành thành công 37.962.045 cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược tăng vốn điều lệ từ 531 tỷ đồng lên 911 tỷ đồng, điều này góp phần làm gia tăng giá trị vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của Công ty. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 số 02/2021/AMV/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2021 và Nghị quyết HĐQT số 2406/2021/NQHĐQT/AMV ngày 24/06/2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ đã thông qua thay đổi điều chỉnh phương án sử dụng vốn phát hành thêm riêng lẻ

Tổng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành là 379.620.450.000 đồng. Kế hoạch sử dụng số tiền huy động thành công từ đợt phát hành

↓ Vốn sử dụng vào mục đích Đầu tư, liên doanh liên kết các hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh trong y khoa (Hệ thống PACS) với các bệnh viện:

Theo báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/AMV/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2021 và Quyết định số 02.07/QĐ-GĐ/AMV ngày 02/07/2021 Về triển khai lắp đặt hệ thống Pacs tại các Tỉnh Ninh Bình, Tỉnh Nghệ An, Tỉnh Hòa Bình. Công ty đang triển khai ký các Thỏa thuận hợp tác và các hợp đồng thử nghiệm với các bệnh viện, trung tâm y tế tại các tỉnh Ninh Bình, Nghệ An, Hòa Bình.

Công ty đã triển khai thực hiện nhập mua các thiết bị y tế, cụ thể là các phần mềm lưu trữ, xử lý hình ảnh phục vụ các hợp đồng hợp tác đầu tư liên doanh liên kết.

Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Ngày nhận hàng
1	Mua 20 phần mềm xử lý, chỉnh sửa hình ảnh Alma. Version :Icloud	Hợp đồng kinh tế số 0207/2021/HĐKT /CNC-AMV	02/07/2021	49.960.264.000	20/07/2021
2	Mua 10 phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh Mach 7. Version: Icloud/500	Hợp đồng kinh tế số 0307/2021/HĐKT /LOU-AMV	03/07/2021	40.018.712.000	22/07/2021
3	Mua 10 phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh Mach 7. Version: Icloud/500 và 5 phần mềm xử lý, chỉnh sửa hình ảnh Alma. Version :Icloud	Hợp đồng kinh tế số 0507/2021/HĐKT /YHN-AMV	05/07/2021	52.510.512.000	22/07/2021
4	Mua 10 phần mềm lưu trữ và truyền tải hình ảnh Mach 7. Version: Icloud/500 và 5 phần mềm xử lý, chỉnh sửa hình ảnh Alma. Version :Icloud	Hợp đồng kinh tế số 0607/2021/HĐKT /AMV-KANPEKI	06/07/2021	52.510.512.000	20/07/2021

⚡ **Vốn sử dụng để Đầu tư, góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết**

Triển khai phương án chi tiết góp vốn vào các công ty con từ nguồn vốn góp thu được từ đợt phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược:

STT	Tên công ty	Ngày thành lập	Mã số thuế	Vốn điều lệ	Số tiền đã chuyển để góp vốn	Ngày chuyển tiền
1	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	05/02/2021	5702075950	50.000.000.000	27.300.000.000	13/07/2021
2	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Vũng Áng Kyoto	12/05/2021	3002227114	50.000.000.000	49.000.000.000	13/07/2021
3	Công ty Cổ phần Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	03/06/2021	6300345253	50.000.000.000	48.700.000.000	12/07/2021 & 13/07/2021

⚡ **Vốn sử dụng để đầu tư máy móc, thiết bị vật tư y tế**

Mua thiết bị y tế, chi tiết như sau:

ST T	Nội dung	Hợp đồng	Ngày ký hợp đồng; phụ lục	Giá trị hợp đồng	Số đã thanh toán	Ngày thanh toán
1	Mua 16 phần mềm Mach 7 picture archiving and communication system-vendor neutral archive	Phụ lục hợp đồng số 0303/PLHĐ/AMV-KAN của Hợp đồng kinh tế số 210221/HDKT/A MV-KAN ký ngày 21/02/2021	Ngày ký hợp đồng: 21/02/2021 Ngày ký phụ lục: 03/03/2021	39.206.2 25.000	39.206.2 25.000	04/03/2021
2	Mua 16 phần mềm chẩn đoán hình ảnh chuyên dụng Alma	Phụ lục hợp đồng số 0303/PLHĐ/AMV-KAN của Hợp đồng kinh tế số	Ngày ký hợp đồng: 21/02/2021	15.414.2 25.000	15.414.2 25.000	04/03/2021

	210221/HDKT/A MV-KAN ký ngày 21/02/2021	Ngày ký phụ lục: 03/03/2021		
--	---	-----------------------------------	--	--

✚ **Vật tư tiêu hao**

ST T	Nội dung	Hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Ngày thanh toán
1	Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm	Hợp đồng kinh tế số 100221/HDKT/AMV- KAN	6.302.409.000	04/03/2021
2	Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm	Hợp đồng kinh tế số 0303/2021/HDKT/AMV- KAN	3.697.591.000	04/03/2021

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLĐ/Nợ NH)	Lần	3,17	9,10	2,999
- Hệ số thanh toán nhanh (= (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ NH)	Lần	3,09	9,04	0,667
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/ tổng tài sản	Lần	0,11	0,08	0,108
- Hệ số nợ / VCSH	Lần	0,12	0,09	0,121
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho (= GVHB/ Hàng tồn kho bình quân)	Lần	50,95	15,89	0,634
- Doanh thu thuần/ tổng tài sản bình quân	Lần	0,11	0,04	0,095
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	%	269,62	930,11	179,77
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ VCSH bình quân	%	31,15	44,03	18,98

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân	%	28,58	40,01	17,12
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	269,90	891,85	180,38
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	3.180	6.256	1.802

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ kiểm toán năm 2019, 2020, BCTC quý IV/2021)

Năm 2020 Công ty được phân phối phần lớn các khoản lợi nhuận từ năm 2018 và 2019. Năm 2021 Công ty được nhận 1 phần lợi nhuận còn lại của các năm trước và lợi nhuận phân phối của năm 2020. Dẫn đến các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2021 giảm, làm lợi nhuận sau thuế năm 2021 giảm. Hệ số vòng quay hàng tồn kho năm 2021 giảm so với năm 2020 chủ yếu là do năm 2021 Công ty mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, dự trữ hàng tồn kho phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 và năm 2022 tăng. Do đó vòng quay hàng tồn kho giảm.

Bảng 31. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLĐ/Nợ NH)	Lần	4,14	5,41	6,724
- Hệ số thanh toán nhanh (= (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ NH)	Lần	3,70	4,87	4,670
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/ tổng tài sản	Lần	0,09	0,11	0,206
- Hệ số nợ / VCSH	Lần	0,10	0,12	0,259
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho (= GVHB/ Hàng tồn kho bình quân)	Lần	20,02	3,08	0,639
- Doanh thu thuần/ tổng tài sản bình quân	Lần	0,64	0,18	0,182
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	%	46,03	53,53	36,46
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ VCSH bình quân	%	32,29	10,51	8,01
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân	%	28,86	9,44	6,65

- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	46,10	39,78	36,84
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	5.666	2.229	976,692

(Nguồn: Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 BCTC quý IV/2021)

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội - Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổ chức phát hành: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính
- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội - Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổ chức phát hành: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 32. Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ tăng giảm so với 2020	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ tăng giảm so với 2021
Tổng doanh thu	844.100.000.000	521,11%	550.000.000.000	-34,84%
Lợi nhuận sau thuế	244.050.000.000	281,45%	140.000.000.000	-42,63%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	28,91%	-24,62%	25,45%	-11,95%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	29,79%	19,21%	11,50%	-61,40%
Tỷ lệ cổ tức	-	-	20,00%	-

(Nguồn: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ)

Kế hoạch kinh doanh năm 2021 được lập bởi Ban giám đốc đã tiến hành trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua ngày 17/05/2021 theo NQ số 02/2021/AMV/NQ-ĐHĐCĐ.

Kế hoạch kinh doanh năm 2022 được lập bởi Ban giám đốc Công ty, dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Cơ sở thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:

Năm 2021 AMV phát huy thế mạnh sẵn có về hệ thống phân phối và đội ngũ lao động hành nghề đã đạt được mục tiêu đề ra. Năm 2022 với việc tiếp tục tập trung phát triển mảng thiết bị y tế và mảng đầu tư kinh doanh chuỗi phòng khám.

Các giải pháp thực hiện:

✓ ***Đối với hoạt động kinh doanh hiện tại***

Với nhận định nhu cầu mua sắm thiết bị y tế sẽ tăng trở lại trong thời gian tới do nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân cũng như để đối phó với diễn biến phức tạp của các loại dịch bệnh có thể xảy ra trong tương lai. Với định hướng AMV sẽ trở thành nhà cung cấp thiết bị và dịch vụ y tế lớn mạnh, có thể đáp ứng toàn diện nhu cầu của bệnh viện, AMV đặt ra chiến lược cho từng lĩnh vực như sau:

Bán thiết bị, vật tư tiêu hao:

- Tiếp tục phát triển các hệ thống bệnh viện liên kết, mở rộng hoạt động đầu tư vào các bệnh viện trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao tại các tỉnh thành, tập trung phát triển các bệnh viện tuyến huyện nơi có nhu cầu khám chữa bệnh lớn nhưng các thiết bị y tế còn thiếu. Cùng cố đội ngũ bán hàng để phủ rộng toàn quốc. Đẩy mạnh các chương trình tiếp thị, quảng bá thương hiệu, tạo dựng hình ảnh thương hiệu tốt trong lòng người tiêu dùng.

- Thực hiện chương trình cho mượn máy máy và thiết bị để tăng doanh thu vật tư tiêu hao.

Đầu tư liên kết:

- Tiếp tục phát triển các hệ thống bệnh viện liên kết, mở rộng hoạt động đầu tư vào các trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao tại các tỉnh thành, tập trung phát triển các bệnh viện tuyến huyện nơi có nhu cầu khám chữa bệnh lớn nhưng các thiết bị y tế còn thiếu.

✓ ***Đối với lĩnh vực kinh doanh mới***

- Đẩy mạnh mảng kinh doanh dịch vụ xử lý chất thải y tế cho bệnh viện. Công ty đang tập trung triển khai đầu tư các dự án đầu tư trung tâm xử lý rác thải tập trung. Dự kiến theo kế hoạch, đây cũng là mảng hoạt động mang về nguồn doanh thu chính cho Công ty trong tương lai.

- Công ty đang tập trung triển khai đầu tư các dự án trung tâm xét nghiệm tập trung. Dự kiến theo kế hoạch, đây cũng là mảng hoạt động mang về nguồn doanh thu chính cho Công ty trong tương lai.

Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi như kế

hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày ngày 26 tháng 08 năm 2002, do đó số lượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 33. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

ST T	Cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số lượng cổ phần nắm giữ trước khi chào bán (Cổ phần)	Tỷ lệ trước khi chào bán (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau khi chào bán (Cổ phần)	Tỷ lệ Dự kiến sau khi chào bán (%)
1	Đặng Nhị Nương	1956	Việt Nam	5.094.076	5,59	5.094.076	5,59
2	Nguyễn Thị Hồng Hải	1977	Việt Nam	8.000.028	8,78	8.000.028	8,78
3	Ngô Văn Bình	1992	Việt Nam	5.962.045	6,54	5.962.045	6,54
4	Nguyễn Mai Loan	1985	Việt Nam	5.200.000	5,71	5.200.000	5,71
5	Nguyễn Hoàn Thiện	1993	Việt Nam	5.124.320	5,62	5.124.320	5,62
6	Nguyễn Thị Hiền	1988	Việt Nam	4.800.000	5,27	4.800.000	5,27

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 22/10/2021 do VSD lập)

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

a. Hội đồng quản trị

Bảng 34. Danh sách Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Nakatani Yoshitaka	Chủ tịch HĐQT
Đặng Nhị Nương	Thành viên HĐQT – Giám đốc
Lê Khánh Nguyên	Thành viên HĐQT độc lập

Ông Nakatani Yoshitaka - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Nakatani Yoshitaka
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	19/11/1964
- Quốc tịch	Nhật Bản
- Số CMND/ Hộ chiếu	TR5970639
- Dân tộc	
- Địa chỉ thường trú	136-4Arie, Wakayama City, Wakayama, 640-8316, Nhật Bản
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Đại học
- Quá trình công tác	
o 2012-nay	Giám đốc Tập đoàn JMP, Nhật Bản
o 2018 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc Tập đoàn JMP, Nhật Bản
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Năm 2020: 0 đồng Năm 2021: 0 đồng
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Bà Đặng Nhị Nương – Thành viên Hội đồng quản trị - Giám Đốc

- Họ và tên	Đặng Nhị Nương
- Giới tính	Nữ
- Năm sinh	18/02/1956
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	010981551
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	23 Hàn Thuyên, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Đại học

- Quá trình công tác:	
o 1980-1988	Ban quản lý phân xưởng cơ khí Công ty dệt 19/5
o 1988-1992	Ban tuyên huấn Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội
o 2009-2016	Quản lý phòng khám/ Ban giám đốc Công ty Y tế Kyoto
o 2016-nay	Thành viên HĐQT kiêm giám đốc Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	5.094.076 cổ phần tương đương 5,59% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Năm 2020: 196.500.000 đồng Năm 2021: 196.500.000 đồng
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Lê Khánh Nguyên - Thành viên Hội đồng quản trị Độc lập

- Họ và tên	Lê Khánh Nguyên
- Giới tính	Nam

- Năm sinh	21/05/1956
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	021339708
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	139B1 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Đại học
- Quá trình công tác	
o 1977-1996	Chuyên viên xuất nhập khẩu Bộ thương mại
o 1997-nay	Giám đốc Công ty CP Thực Phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên
o T6/2020 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc Công ty CP Thực Phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Năm 2020: 0 đồng Năm 2021: 0 đồng
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có
--	----------

b. Ban Kiểm soát

Bảng 35. Danh sách Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Lê Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Vũ Thu Thủy	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Hương Giang	Thành viên Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Hương - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên	Lê Thị Hương
- Giới tính	Nữ
- Năm sinh	08/12/1987
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	017092256
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Xã Yên Bình, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác	
o 2010-2013	Nhân viên Công ty Cổ phần Kỹ thuật Việt Sơn
o 2013-2016	Nhân viên Công ty TNHH Gia Nguyễn
o 2016-nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Năm 2020: 0 đồng Năm 2021: 0 đồng
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Bà Vũ Thu Thủy - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên	Vũ Thu Thủy
- Giới tính	Nữ
- Năm sinh	25/01/1985
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	001185000617
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 36 Nguyễn Huy Lượng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa	12/12

- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác	
o 2014-2016	Chuyên viên Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam
o 2016-T5/2018	Kế toán trưởng Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
o 2018-nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH Hải sản Hoàng Gia
o T6/2018-nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty TNHH Hải sản Hoàng Gia
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Năm 2020: 71.700.000 đồng Năm 2021: 57.900.000 đồng
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Bà Nguyễn Hương Giang - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên	Nguyễn Hương Giang
- Giới tính	Nữ
- Năm sinh	08/04/1993
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	022193000561
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu Kim Sen, Phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác	
○ T5/2014-nay	Thủ quỹ Phòng giao dịch Tổ chức Tài chính vi mô TNHH M7 – Chi nhánh Đông Triều, Quảng Ninh
○ 2016-nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Thủ quỹ Phòng giao dịch Tổ chức Tài chính vi mô TNHH M7 – Chi nhánh Đông Triều, Quảng Ninh
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Năm 2020: 0 đồng Năm 2021: 0 đồng
- Các khoản nợ đối với công ty	Không

- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

c. Ban Giám đốc

Bảng 36. Danh sách Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Đặng Nhị Nương	Giám đốc

Bà Đặng Nhị Nương - Giám Đốc: SYLL ở phần Hội đồng quản trị

d. Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Việt Hà	Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Việt Hà

- Họ và tên	Lê Thị Việt Hà
- Giới tính	Nữ
- Năm sinh	20/02/1978
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	183067302
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	P504 CT8A Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Đại học
- Quá trình công tác	
o Từ T01/2004 đến T08/2010	Nhân viên Kế toán Công ty CP đầu tư và Xây dựng HUD1
o Từ T8/2010 đến T02/2017	Phó Phòng Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Hóa phẩm dầu khí DMC Miền Bắc.

o Từ T2/2017 đến T06/2018	Kế Toán Trưởng Công ty TNHH Một thành viên Hóa phẩm dầu khí DMC Miền Bắc.
o Từ T06/2018 đến T5/2019	Kế Toán Trưởng Công ty CP Hóa phẩm dầu khí DMC Miền Bắc.
o Từ T02/2020 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Năm 2020: 136.000.000 đồng Năm 2021: 144.800.000 đồng
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng.

2. Mệnh giá cổ phiếu:

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bánTổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: **40.000.000** cổ phiếu**4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá**

Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá: 400.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến:

10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá**Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020**

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán:

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị (đồng VN)
Vốn chủ sở hữu	(1)	819.198.504.363
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(2)	53.263.761.695
Số cổ phần đã phát hành	(3)	37.962.045
Số cổ phiếu quỹ	(4)	0
Số cổ phần đang lưu hành	(5)	37.962.045

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 – Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Giá trị sổ sách
một cổ phần

=

Số cổ phần đang lưu hành

$$= \frac{819.198.504.363 - 53.263.761.695}{37.962.045} = 20.176 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị thị trường (giá bình quân của 10 phiên gần nhất tính đến ngày 22/10/2021): 10.480 đồng/cổ phần

Đơn vị tính: Đồng/cổ phần

Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa
22/10/2021	10.900	15/10/2021	10.500
21/10/2021	10.500	14/10/2021	10.500
20/10/2021	10.400	13/10/2021	10.400
19/10/2021	10.200	12/10/2021	10.400

18/10/2021	10.400	11/10/2021	10.600
------------	--------	------------	--------

P bình quân = 10.480 đồng/cổ phần

Căn cứ đề xuất mức giá phát hành:

Đợt phát hành cổ phiếu của AMV được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của AMV, giá thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu AMV được tính toán, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá sau khi phát hành nên giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng 49,56% giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 và bằng 95,42% giá trị thị trường.

7. Phương thức phân phối

- **Tỷ lệ chào bán:** tương đương tỷ lệ 1000:439, điều đó có nghĩa: Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền mua, cứ 1000 quyền mua sẽ được mua 439 cổ phần phát hành thêm.

- **Phương án xử lý số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) và số cổ phần không phân phối hết:**

Phương án làm tròn: Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Phương án xử lý số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) và số cổ phần không phân phối hết:

- + Việc xử lý cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.
- + Số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT toàn quyền phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn đảm bảo tuân thủ quy định với giá bán là 10.000 đồng/CP.
- + Số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

Thời hạn: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu.

- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: Cổ đông đăng ký mua tại Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (AMV) đồng thời nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.
- Đối với cổ đông đã thực hiện lưu ký: Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong Quý I,II/2022 và trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán.

Sau khi nhận được Quyết định chấp thuận phương án phát hành của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Dự kiến thời gian như sau:

Bảng 37. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Hạng mục	Thời gian
1	Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận phát hành	D
2	Công bố thông tin phát hành	D+3
3	Thông báo VSD về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm	D+3
4	Chốt danh sách cổ đông	D + 14
5	VSD gửi danh sách chốt cho Công ty (Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu)	D+ 20
6	Công ty gửi công văn chấp thuận cho VSD	D + 21
7	Các cổ đông thực hiện đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu: - Cổ đông đã lưu ký: nộp tiền thông qua Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản. - Cổ đông chưa lưu ký: nộp tiền vào tài khoản của AMV	D + 45

8	Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước trên cơ sở danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 50
9	Thực hiện thay đổi Đăng ký kinh doanh	D + 55
10	Nộp hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung cho HNX	D + 60
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cho VSD	D + 60
12	Quyết định chấp thuận giao dịch bổ sung	D + 70
13	Công ty chọn ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu giao dịch bổ sung	

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Công ty phối hợp thực hiện chốt danh sách cổ đông với TTLKCKVN để lập danh sách người sở hữu cuối cùng đồng thời công bố thông tin về đợt phát hành trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với TTLKCKVN phân bổ và thông báo quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn thành viên chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do TTLKCKVN cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian cụ thể trên thông báo phát hành.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Chậm nhất 08 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, TTLKCKVN gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu lý cho Công ty và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong trường hợp sau khi có Giấy chứng nhận chào bán mà tình hình thực tế cần phải thay đổi thời gian dự kiến nêu trên thì HĐQT Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp song vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình hoặc từ chối quyền mua. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3)

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tài khoản số: 1016941136
- Tên tài khoản: CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ
- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Kinh Đô

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:

Tổ chức phát hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

13. Hủy bỏ đợt chào bán (trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thực hiện dự án)

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp để phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Theo công văn số 3242/UBCK-PTTT ngày 30/06/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại AMV là 0%. Do đó, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:
- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho các tổ chức, cá nhân trong nước.
- Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua nếu có sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các tổ chức, cá nhân trong nước.

15. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các loại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)
- Thuế giá trị gia tăng (10%)
- Thuế Môn bài, Thuế nhà đất...

Thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán:

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức ... theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với nhà đầu tư cá nhân:

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).
Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.

✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:

- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

✓ Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

– Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN 2008 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

– Thu nhập từ cổ tức: được thực hiện theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật quản lý thuế.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết thực hiện niêm yết cổ phiếu chào bán thành công trên hệ thống giao dịch chứng khoán đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Kế hoạch:

- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty thực hiện báo cáo kết quả chào bán với UBCKNN theo quy định.
- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBCKNN về Báo cáo kết quả chào bán, Công ty sẽ tiến hành triển khai nộp đồng thời hồ sơ Thay đổi đăng ký chứng khoán và thay đổi đăng ký niêm yết để đảm bảo thời hạn đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết theo quy định.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 400.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm tỷ đồng), toàn bộ số tiền này sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích sau:

- Đầu tư góp vốn vào công ty con: 399.840.000.000 đồng
- Bổ sung vốn lưu động: 160.000.000 đồng

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 400.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm tỷ đồng), toàn bộ số tiền này sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Đầu tư góp vốn vào công ty con	399.840.000.000	Năm 2022
	1. Công ty cổ phần Phòng khám Hà Đông	48.020.000.000	Năm 2022
	2. Công ty cổ phần Phòng khám Việt Trì	48.020.000.000	Năm 2022
	3. Công ty cổ phần Phòng khám kỹ thuật cao Gia Lâm	48.020.000.000	Năm 2022
	4. Công ty cổ phần Phòng khám Hòa Bình	63.700.000.000	Năm 2022
	5. Công ty cổ phần Phòng khám Medicare Hậu Giang	48.020.000.000	Năm 2022
	6. Công ty cổ phần Phòng khám Medicare Cần Thơ	48.020.000.000	Năm 2022
	7. Công ty cổ phần Phòng khám Medicare Ngã Bảy	48.020.000.000	Năm 2022
	8. Công ty cổ phần Phòng khám Medicare Sóc Trăng	48.020.000.000	Năm 2022

2	Bổ sung vốn lưu động	160.000.000	Năm 2022
	Tổng cộng:	400.000.000.000	

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp để phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội

Địa chỉ: P.806, Tòa Nhà 17T3 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-024) 62859222 Fax: (84-024) 62859111

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Q. Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại: 19006446 Fax: 024.37739 058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 29 - 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446 Fax: 028.9255 246

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 19006446 Fax: 0236. 3553 888

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ: Không có

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục III:** Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên

của năm đăng ký chào bán được kiểm toán/soát xét (nếu có) và Báo cáo tài chính quý gần nhất

5. **Phụ lục V:** Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất

TP HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2022

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ
TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NAKATANI YOSHITAKA

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NHỊ NƯƠNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

LÊ THỊ HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ VIỆT HÀ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Thanh

